ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 02 /GM-UBND	*Nậm Pồ, ngày 14 tháng 01 năm 2019*

GIẤY MỜI HỌP

Kính gửi: .....

Căn cứ Quyết định 1981/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND huyện Nậm Pồ về Ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện Nậm Pồ, nhiệm kỳ 2016-2021, UBND huyện mời các đồng chí dự Hội nghị triển khai kế hoạch năm 2019 với những nội dung sau:

I. Thời gian: 1 ngày, buổi sáng từ 7h30', buổi chiều từ 14h00 **ngày 19/01/2018 (thứ 7).**

II. Địa điểm: Tại Hội trường UBND huyện.

III. Nội dung và thành phần mời dự họp

1. Nội dung:

(1) Buổi sáng: Quán triệt và triển khai các chính sách mới; phân khai các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất, duy tu sửa chữa và một số nội dung khác.

(2) Buổi chiều: Triển khai các giải pháp chỉ đạo điều hành năm 2019.

(Nội dung (2) giao Phòng Tài chính – Kế hoạch chuẩn bị và báo cáo tại cuộc họp).

(3) Một số nội dung khác.

2. Thành phần mời dự họp:

- Đồng chí Chủ tịch UBND huyện – Chủ trì cuộc họp;

- Trân trọng kính mời: Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực HĐND huyện; lãnh đạo UBND huyện; Trưởng, phó ban HĐND huyện.

- UB MTTQ huyện và các đoàn thể;

- Các đồng chí thành viên UBND huyện;

- Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp;

- Thủ trưởng các cơ quan ngành dọc: Kho bạc nhà nước, Chi cục Thống kê, chi cục Thuế; Bảo hiểm xã hội; Trung tâm Y tế; Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân; Trạm Thú y, Trạm bảo vệ thực vật; Trạm khuyến nông – khuyến ngư; Hạt kiểm lâm; Đội quản lý thị trường số 10; Ngân hàng csxh huyện; Trung tâm dân số; Trung tâm viễn thông; Bưu điện huyện.

- Chủ tịch HĐND, UBND các xã.

- Đài Truyền thanh – Truyền hình huyện dự và đưa tin về Hội nghị.

3. Chương trình Hội nghị: Như chương trình chi tiết kèm theo.

4. Phân công nhiệm vụ:

- Giao Văn phòng HĐND-UBND huyện:

+ Chủ trì đón tiếp và bố trí chỗ ăn, nghỉ cho đại biểu về dự Hội nghị.

+ Phối hợp với Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện và các đơn vị liên quan chuẩn bị nội dung Hội nghị, đảm bảo các điều kiện cần thiết tổ chức Hội nghị.

+ Lập dự toán kinh phí; gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thẩm định và báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Các đơn vị được phân công chuẩn bị báo cáo tham luận (*Nội dung theo Công văn số 16/UBND-VP ngày 08/01/2019 của UBND huyện về việc tham luận giải pháp chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2019*) khẩn trương hoàn thành tham luận gửi về Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện. Các nội dung tham luận tại Hội nghị không quá 10 phút.

- Các đơn vị khác có nội dung cần lãnh đạo UBND huyện bổ sung, quán triệt, đề nghị báo cáo ngay tại Hội nghị.

- Tài liệu Hội nghị được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử huyện, mục Tài liệu Hội nghị (*huyennampo.gov.vn/VanBan/ChuyenMuc/Tai-lieu-hoi-nghi)*, yêu cầu các đơn vị tự nghiên cứu, Hội nghị không phát tài liệu.

Thừa lệnh UBND huyện, Văn phòng HĐND-UBND huyện trân trọng kính mời các đồng chí tới dự họp đầy đủ, đúng thời gian, địa điểm./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT.

TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG

Tạo Thị Thu Hường

CHƯƠNG TRÌNH
Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2019

(Kèm theo Giấy mời số 02 /GM-UBND ngày 14 /01/2019 của UBND huyện)

STT	Nội dung	Thực hiện
I	**Chương trình buổi sáng** (Bắt đầu từ 7h30'):	
1	Ổn định tổ chức, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Lãnh đạo Văn phòng HĐND-UBND huyện
2	Phát biểu khai mạc Hội nghị	
	(1) Quán triệt và triển khai các chính sách mới; phân khai các nguồn vốn hỗ trợ sản xuất, duy tu sửa chữa.	Đồng chí Nguyễn Văn Thái – Chủ tịch UBND huyện
	(2) Thông qua Kế hoạch thực hiện Quyết định số 938/QĐ-TTg NGÀY 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027" trên địa bàn huyện Nậm Pồ; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" trên địa bàn huyện Nậm Pồ.	Hội LHPN huyện
3	Một số nội dung khác	
II	**Chương trình buổi chiều** (Bắt đầu từ 14h00'):	
1	Thông qua Chương trình giải pháp chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh năm 2019.	Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện
2	Phát biểu chỉ đạo của Thường trực Huyện ủy	Thường trực Huyện ủy
3	*Tham luận của các đơn vị*	
	(1) Phát biểu tham luận của Chi cục thuế huyện	
	(2) Phát biểu tham luận của phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	
	(3) Phát biểu tham luận của phòng Tài nguyên và Môi trường	
4	*Hội nghị nghỉ giải lao*	Lãnh đạo các đơn vị
	(4) Phát biểu tham luận của phòng Kinh tế - Hạ tầng	
	(5) Phát biểu tham luận của phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện	
	(6) Phát biểu tham luận của phòng Dân tộc	
	(7) Phát biểu tham luận của Thanh tra huyện	
	(8) Phát biểu tham luận của UBND các xã	
	(9) Phát biểu tham luận của UB MTTQ Việt Nam và các đoàn thể huyện	
5	Kết luận Hội nghị	Đồng chí Nguyễn Văn Thái – Chủ tịch UBND huyện

Ghi chú:

BAN TỔ CHỨC

- Các đơn vị tham luận theo nội dung được phân công tại Công văn số 16/UBND-VP ngày 08/01/2019 của UBND huyện về việc tham luận giải pháp chỉ đạo điều hành phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2019.

- Tùy vào điều kiện cụ thể, Chủ tọa sẽ sắp xếp, điều chỉnh cho phù hợp./.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ Số: /CTr-UBND	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc *Nậm Pồ, ngày tháng 01 năm 2019*

CHƯƠNG TRÌNH

Giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2018 VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG NĂM 2019

Năm 2018 huyện tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo của của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và sự hỗ trợ giúp đỡ của các Sở, Ban, ngành tỉnh; dưới sự lãnh đạo tập trung của cấp ủy Đảng, chính quyền, nhân dân các dân tộc trong huyện luôn nêu cao tinh thần đoàn kết thi đua lao động sản xuất, mở rộng kinh doanh dịch vụ; tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục duy trì ổn định, nhiều chỉ tiêu kế hoạch cơ bản đạt và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra; hệ thống cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư; chương trình xây dựng nông thôn mới đạt được những kết quả nhất định; thực hiện có hiệu quả chương trình giảm nghèo bền vững và các chính sách an ninh xã hội được đảm bảo; sự nghiệp giáo dục, y tế được quan tâm, đời sống vật chất tinh thần của người dân ngày được cải thiện; quốc phòng tiếp tục được củng cố, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, duy trì tốt mối quan hệ với nước bạn Lào.

- Tổng giá trị sản xuất tăng 1,8% so với kế hoạch, thu ngân sách trên địa bàn đạt 109,6% so với kế hoạch, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 60,06% (giảm 3,33%).

- Sản xuất nông - lâm nghiệp - công nghiệp có bước phát triển mới: Sản lượng lương thực có hạt đạt 19.005,45 tấn, tăng 743,5 tấn so với năm 2017, tăng 4.380,9 tấn so với năm 2013, đạt 100,11% kế hoạch. Tổng đàn gia súc đạt 67.939 con, đạt 100,98% kế hoạch, tăng 7,9% so với năm 2017. Nâng độ che phủ rừng lên 39,55%. Kinh tế rừng, đặc biệt là sản phẩm dưới tán rừng trở thành nguồn tăng thu nhập quan trọng cho nhân dân tạo hướng đi mới cho phát triển Nông - Lâm nghiệp. Công nghiệp có sản phẩm mới là Gạch không nung đảm bảo cung ứng cho toàn bộ thị trường trong huyện.

- Toàn huyện có xã Chà Nưa đạt 19/19 tiêu chí đang làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; Chà Cang đạt 9 tiêu chí; xã Si Pa Phìn đạt 8 tiêu chí; Nậm Nhừ, Nậm Chua, Vàng Đán đạt 7 tiêu chí; Nà Khoa, Chà Tở, Na Cô Sa, Nà Hỳ đạt 6 tiêu chí và các xã còn lại đạt 5 tiêu chí.

- Số trường chuẩn quốc gia đạt 20/40 trường (50%); giữ vững và nâng chất lượng phổ cập giáo dục (duy trì được các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi và 11/15 xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, 12/15 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2; 9/15 xã đạt chuẩn XMC mức độ 2); Văn hóa - thể thao đạt thành tích cao tại các Hội thao cấp tỉnh (tham gia tất cả các Hội thi cấp tỉnh đều đạt nhất hoặc nhì, xuất sắc), Tổ chức Đại hội TDTT các cấp, Hội thi tìm hiểu về xây dựng Nông thôn mới cấp xã được tổ chức thành công và sôi nổi, chất lượng tốt.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân luôn được bảo đảm, không để xảy ra dịch bệnh ở người; các chính sách an sinh xã hội, giải quyết việc làm được tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng đối tượng và đạt kết quả tích cực; công tác phòng chống ma túy, mại dâm, HIV/AIDS được đẩy mạnh.

- Đầu tư xây dựng: Bằng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước năm 2018 đã đầu tư 36 dự án với tổng mức đầu tư là 302,122 tỷ đồng. Trong đó: Công trình giao thông là 11 dự án; Xây dựng dân dụng là 22 dự án; công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn là 3 dự án. Các dự án được đầu tư đã tạo ra sự chuyển biến trong việc phát triển kết cấu cơ sở hạ tầng của huyện bước đầu góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

Một số dự án đầu tư công chậm tiến độ do vướng công tác giải phóng mặt bằng thi công và một số dự án vướng trình tự thủ tục đầu tư xây dựng. Việc triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm, do các xã còn lúng túng trong quá trình lựa chọn các chính sách hỗ trợ cho người dân. Công tác quản lý nhà nước về đất đai và tài nguyên của một số xã còn hạn chế; quản lý, bảo vệ rừng còn xảy ra một số vụ làm nương lấn chiếm vào rừng. Một số chỉ tiêu đạt thấp như: Công tác đào tạo nghề, khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng mới. Tỷ lệ học sinh đi học không chuyên cần ở một số xã còn cao vào mùa gặt, ngày lễ tết. Chất lượng công tác của một bộ phận lãnh đạo chủ chốt (nhất là cấp xã) chậm chuyển biến, lề lối làm việc của cán bộ công chức của một số phòng, ban, cấp xã chưa tốt; chế độ thông tin báo cáo còn chậm so với quy định; việc phối hợp tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị, UBND xã có lúc còn chưa kịp thời, hiệu quả chưa cao. Công tác truyền thông phòng chống dịch bệnh, triển khai các mục tiêu chương trình y tế như Tiêm chủng mở rộng, Chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dân số - KHHGĐ còn nhiều mục tiêu chưa đạt kế hoạch đề ra. Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế thấp 32%, chỉ số chết trẻ em dưới 5 tuổi đang ở mức cao *(tỷ suất chết trẻ em dưới 5 tuổi: 71,3‰ giảm 17,4‰ so với cùng kỳ năm 2017)*. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên; tỷ lệ sinh con thứ 3 còn quá cao. Tình hình di cư tự do đi và đến, xuất cảnh trái phép, tai tệ nạn xã hội, hoạt động tôn giáo trái pháp luật, tội phạm ma túy vẫn còn; số vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng vẫn còn xảy ra. Việc tàng trữ, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ trái phép trong Nhân dân vẫn còn, nhất là súng tự chế (súng kíp, súng hơi cồn).

Năm 2019 được dự báo sẽ có nhiều thuận lợi, các chính sách hỗ trợ của nhà nước về giảm nghèo tiếp tục được thực hiện, các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách bổ sung cho huyện tăng hơn năm 2018, những vấn đề phức tạp từ những năm trước đã được xử lý căn bản. Tại kỳ họp thứ 7- HĐND huyện khóa II đã đề ra các chỉ tiêu chủ yếu của huyện trong năm 2019 là:

1. Về lĩnh vực phát triển kinh tế

(1) Tổng giá trị sản xuất theo giá thực tế ước đạt 826,377 tỷ đồng. Trong đó: Ngành Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản ước đạt 421,03 tỷ đồng, chiếm 50,95%; Công nghiệp - Xây dựng ước đạt 201,35 tỷ đồng, chiếm 24,36 %; Dịch vụ ước đạt 204 tỷ đồng, chiếm 24,69%.

(2) Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2019 ước đạt 19.668,2 tấn, tăng 662,8 tấn so với năm 2018; trong đó: thóc 16.820,1 tấn (thóc ruộng 10.249,8 tấn); lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 367,62 kg/người/năm.

(3) Tổng đàn gia súc đạt 73.541 con (Trong đó: Trâu: 22.081 con, bò 4.937 con, lợn 46.523 con); tổng đàn gia súc khác 6.141 con (ngựa 342 con; dê 5.799 con); đàn gia cầm tăng trên 165.208 con.

(4) Tổng diện tích nuôi trồng Thuỷ sản toàn huyện năm 2019 ước đạt 121,3 ha, sản lượng nuôi trồng đạt 161,9 tấn, sản lượng khai thác tự nhiên đạt trên 7,7 tấn.

(5) Trồng rừng tập trung 36,7 ha, trong đó trồng rừng phòng hộ 11,7 ha và trồng rừng sản xuất 25 ha; khoanh nuôi tái sinh 5.000 ha; chăm sóc rừng trồng mới 119,17 ha và hoàn thiện thủ tục hồ sơ giao đất giao rừng bổ sung; tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 39,55%.

(6) Thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 6.500 triệu đồng.

(7) Tiếp tục thực hiện trích đo địa chính khu đất, thửa đất; Hướng dẫn cán bộ địa chính, các hộ gia đình, cá nhân tại Si Pa Phìn, Nà Hỳ, Chà Cang thực hiện xây dựng hồ sơ địa chính, cấp giấy chúng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu và đủ điều kiện cấp giấy chúng nhận quyền sự dụng đất theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của Pháp luật.

(8) Duy trì 100% các xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại thuận lợi.

(9) Đảm bảo 15/15 xã sử dụng điện an toàn, thường xuyên; Phấn đấu có 102/132 bản có điện lưới quốc gia, nâng tỷ lệ hộ được sử dụng điện ước đạt 75,8%; 82% người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh.

(10) Phấn đấu xã Si Pa Phìn cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới và không có xã dưới 6 tiêu chí.

2. Về lĩnh vực Văn hoá - Xã hội

(1) Năm học 2018 - 2019 toàn huyện có 45 trường, 773 lớp, 19.213 học sinh. Trong đó: 15 trường mầm non, với 290 lớp và nhóm trẻ, 6.863 trẻ; 15 trường tiểu học, với 331 lớp, 7.300 học sinh và 15 trường THCS, với 152 lớp, 5.050 học sinh. Phấn đấu 26/45 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt 57,78%; 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học; 100% học sinh lớp 9 tốt nghiệp THCS.

Duy trì 15/15 xã đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì chuẩn 15/15 xã đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 2, công nhận 14/15 xã đạt chuẩn phổ cập GDTH mức độ 3; duy trì 15/15 xã đạt chuẩn PCTHCS mức độ 1, công nhận 14/15 xã đạt chuẩn PCTHCS mức độ 2; duy trì 15/15 xã đạt chuẩn PC-XMC mức độ 1, công nhận chuẩn 11/15 xã đạt chuẩn PC-XMC mức độ 2.

Huy động 97,1% số trẻ 3-5 tuổi học mẫu giáo; huy động trẻ 6-10 tuổi đi học tiểu học đạt 99,5%; huy động 11-14 tuổi học THCS đạt 96%.

Phấn đấu 80% số phòng học là phòng kiên cố; 100% trường học có tường bao, công trình phụ trợ; 100% các trường ở trung tâm được trang bị đủ phòng nội trú, 80% trường được trang bị phòng học chức năng.

(2) Phấn đấu 4.242 gia đình đạt chuẩn văn hóa trong tổng số gia đình toàn huyện; 43 bản đạt chuẩn văn hóa; 84 số cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn

văn hóa. Duy trì và phát triển các đội văn nghệ quần chúng, phấn đấu mỗi xã thành lập ít nhất 01 đội văn nghệ điểm để tham gia các hoạt động phong trào tại cơ sở. Phấn đấu thành lập mới từ 10 câu lạc bộ TDTT trở lên. Duy trì 3 giải thi đấu thể thao thường niên cấp huyện và 100% các xã tổ chức ít nhất 02 giải thi đấu thể thao trong năm. Triển khai nhân rộng Mô hình phòng, chống bạo lực gia đình tại xã Chà Cang. Tổ chức Hội thi tìm hiểu về "Luật Phòng, chống bạo lực gia đình". Thành lập mới điểm Bưu điện văn hóa xã Nậm Tin, mở rộng mạng lưới Internet đến trung tâm xã Nậm Chua.

(3) Thực hiện tốt các chính sách người có công và xã hội, phấn đấu 100% người nghèo và các đối tượng xã hội được cấp thẻ BHYT; số lao động tham gia BHXH, BH tự nguyện, BH thất nghiệp tăng khoảng 517 lao động so với năm 2018.

(4) Tổ chức cai nghiện cho 80 người nghiện, trong đó: Cai tại gia đình, cộng đồng 65 người, tại trung tâm 15 người.

(5) Giải quyết việc làm mới cho khoảng 450 lao động, xuất khẩu lao động 10 người, đào tạo nghề cho 350 lao động; Phối hợp thực hiện tốt các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội, phấn đấu cuối năm 2019 tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm còn khoảng 54,76%.

(6) Đến năm 2019 bình quân có 6,4 bác sỹ/vạn dân, thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh, các chương trình mục tiêu y tế; 96,2% tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế hoạt động. Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng theo cân nặng trên tuổi 22,7%; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng chiều cao/tuổi giảm xuống còn 34,6%, tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ các loại Vácxin đạt 93%, có thêm 02 xã (Nà Khoa, Nà Bủng) đạt bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã.

(7) Tỷ lệ số hộ nghe được Đài tiếng nói VN, đài phát thanh địa phương đạt 70,6%; tỷ lệ sô hộ xem được Đài truyền hình địa phương đạt 73,4%. Phấn đấu sản xuất 01 Chương trình truyền hình cơ sở/tuần, 52 chương trình/năm; Sản xuất 01 Chương trình phát thanh/tuần, 52 chương trình/năm. Phấn đấu sản xuất 300 tin, 170 bài và phóng sự cộng tác với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Điện Biên.

3. Về Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

- Quốc phòng: Thực hiện tốt nhiệm vụ công tác quân sự - quốc phòng địa phương, tổ chức giáo dục quốc phòng - an ninh cho các đối tượng đạt 100% kế hoạch. Quản lý chặt chẽ số lượng, chất lượng quân dự bị, công tác tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu giao.

- An ninh: Bảo đảm ANTT trong mọi tình huống; không để đột xuất bất ngờ xảy ra; chuyển hóa thành công 02 xã bị ảnh hưởng "Vương quốc Mông"; chuyển hóa địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự tại 01 xã trên địa bàn huyện; phấn đấu tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ trọng án ít nghiêm trọng đạt 90%, án đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%, không có oan sai; truy bắt số đối tượng truy nã hiện hành và số phát sinh trong năm đạt từ 25% trở lên; xác lập và triệt phá 05 chuyên án; vận động, thu hồi trên 100 khẩu súng các loại; cấp đổi, cấp mới 2000 chứng minh nhân dân; 100% xã, cơ quan, doanh nghiệp, nhà trường đăng ký đạt chuẩn "An toàn về an ninh trật tự"; giảm số vụ tai nạn giao thông trên cả ba tiêu chí.

- Đối ngoại: Duy trì, tăng cường công tác đối ngoại với các huyện thuộc tỉnh Phong Sa Ly nước CHDCND Lào. Tổ chức thăm và trao đổi giao lưu văn hóa với huyện Phong Sa Ly tỉnh Phong Sa Ly nước bạn Lào.

Để triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Kế hoạch năm 2019, UBND huyện xác định cần tập trung chỉ đạo thực hiện 8 nhiệm vụ trọng tâm là:

1. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất Nông - Lâm nghiệp, phòng chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm; tái cơ cấu ngành nông nghiệp; khoanh nuôi tái sinh bảo vệ rừng, nâng giá trị rừng và mức thu nhập của nhân dân.

2. Đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, thủ công nghiệp. Phát triển mạnh cùng với tăng cường quản lý các loại hình Chợ, trung tâm giao lưu hàng hóa phục vụ nhu cầu trao đổi hàng hóa của nhân dân; đảm bảo an toàn thực phẩm, chống hàng giả, hàng kém chất lượng.

3. Chỉ đạo việc thực hiện tốt các chương trình dự án đầu tư trên địa bàn. Nâng cao trách nhiệm trong quản lý đầu tư, giám sát chặt chẽ tiến độ, chất lượng công trình, giải ngân nhanh vốn đầu tư, phấn đấu thực hiện hoàn thành kế hoạch đầu tư năm 2019.

4. Quản lý tốt tình hình tài chính, điều hành ngân sách đúng quy định; đảm bảo chi đúng, đủ, tiết kiệm và có hiệu quả; phấn đấu thu ngân sách vượt chỉ tiêu được giao.

5. Tạo chuyển biến mạnh hơn về các mặt văn hóa - xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, cai nghiện ma túy, giảm nghèo bền vững. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ sản xuất và chính sách an sinh xã hội.

6. Tổ chức thực hiện tốt công tác tư pháp, xây dựng tổ chức bộ máy và công tác cán bộ, cải cách hành chính, thanh tra, phòng chống tham nhũng, lãng phí. Nâng cao hơn nữa chất lượng chấp hành kỷ cương kỷ luật hành chính trong các cơ quan, đơn vị.

7. Đảm bảo an ninh trật, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

8. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân phấn đấu hoàn thành đạt và vượt kế hoạch giao năm 2019.

II. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để đạt được các chỉ tiêu trên UBND huyện đề ra các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; dự toán thu chi ngân sách và đầu tư công **năm 2019** như sau:

1. Trên lĩnh vực kinh tế

1.1. Về phát triển Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản

a) Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

** Về trồng trọt:*

- Đẩy mạnh thâm canh lúa, tăng vụ đối với ngô, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, thử nghiệm đưa vào sản xuất những giống mới có năng suất, chất lượng cao như lúa

J02 (đã thử nghiệm trong vụ Chiêm Xuân 2016-2017-2018), PQ-5 (đã thử nghiệm vụ Mùa 2017 và 2018 tại xã Chà Nưa), giống lúa ADI 168 và Đông A1 (đã thử nghiệm thành công tại các xã Chà Cang, Chà Nưa, Chà Tở), giống lúa xác nhận Nghi hương 2308, Bắc thơm số 7 xác nhận (đã thực hiện thành công mô hình trồng lúa tại xã Nà Hỳ, vụ mùa 2018, năng suất 63 tạ/ha), Nam Hương 4... Đẩy mạnh công tác khai hoang mới đối với những diện tích nằm trong vùng quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp, đặc biệt là những diện tích đã được đầu tư các công trình thủy lợi.

- Tăng cường công tác khuyến nông đến tận thôn, bản để người dân biết áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất như: Bảo vệ thực vật, lựa chọn giống, vật tư kỹ thuật nhằm tăng năng suất, sản lượng cây trồng, góp phần giữ vững an ninh, lương thực.

- Tăng cường các biện pháp chế xói mòn, rửa trôi đất trên nương. Vạn động Nhân dân chuyển đổi lúa nương sang làm ruộng bậc thang.

- Hướng dẫn Nhân dân các biện pháp nhằm hạn chế tổn thất trong thu hoạch, bảo quản sản phẩm nông sản, nhằm nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, tăng thu nhập cho người dân.

- Đảm bảo quy mô trồng cây công nghiệp ngắn ngày; vận động nhân dân sử dụng giống có chất lượng, năng suất cao... để sản xuất, không sử dụng giống đã qua nhiều chu kỳ gieo trồng và bị thoái hóa.

- Tăng cường xây dựng các mô hình trình diễn về các cây công nghiệp ngắn ngày, khuyến khích bà con mở rộng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tạo sản phẩm hàng hóa.

- Vận động Nhân dân Chăm sóc và bảo vệ tốt các diện tích cây cà phê trên địa bàn, tích cực cung cấp nước, làm cỏ để cây cà phê phát triển, không để cây chết.

- Duy trì diện tích cây ăn quả hiện có; vận động người dân chăm sóc, cải tạo các giống cây ăn quả năng suất, chất lượng tốt; tiếp tục thực hiện việc nhân giống mận tam hoa tại bản Ham Xoong, xã Vàng Đán; hỗ trợ ghép, chiết cành tạo vườn cây ăn quả cho Nhân dân trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục hướng dẫn Nhân dân xã Pa Tần chăm sóc, phục tráng giống cây chè, đồng thời tìm cách nâng cao chất lượng, sản lượng cho chè.

**** Chăn nuôi, thú y***

- Triển khai thực hiện tốt công tác phòng chống đói, rét cho gia súc vụ Đông Xuân 2018-2019; kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ gia súc theo các Chương trình, dự án hỗ trợ PTSX, vận động Nhân dân chăn nuôi có chăn dắt, làm chuồng trại đảm bảo hợp vệ sinh góp phần hạn chế dịch bệnh lây lan.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác trồng cỏ chăn nuôi để chủ động nguồn thức ăn trong điều kiện thời tiết xấu không chăn thả gia súc.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Triển khai các đợt tiêm phòng gia súc, gia cầm và vệ sinh tiêu độc khử trùng; đẩy mạnh công tác phòng chống dịch bệnh. Có kế hoạch dự phòng thuốc thú y, đảm bảo phòng và điều trị khi có dịch bệnh xảy ra. Thực hiện tốt công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ.

**** Thuỷ Sản***

- Tiếp tục khuyến khích mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản theo hướng

nâng cao chất lượng, chủng loại và sản lượng để tạo nguồn thực phẩm tại chỗ, hạn chế khai thác từ tự nhiên.

- Vận động Nhân dân chú ý bảo vệ, kiên cố bờ ao, bảo vệ nguồn nước nuôi trồng thủy sản, làm tốt công tác cấp thoát nước để sẵn sáng ứng phó với mưa lũ.

- Thực hiện tốt công tác quản lý giống thủy sản, vận động người dân sử dụng giống thủy sản trong danh mục cho phép và giống có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

*** Công tác bảo vệ thực vật**

- Tuyên truyền, hướng dẫn, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác bảo vệ cây trồng, phòng chống dịch hại, đặc biệt là châu chấu tre.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tình hình buôn bán, vận chuyển và tàng trữ thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện. Phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi buôn bán, vận chuyển và tàng trữ thuốc bảo vệ thực vật giả, không rõ nguồn gốc. Hướng dẫn bà con sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật đúng và hiệu quả, đảm bảo an toàn cho người và hạn chế ô nhiễm môi trường.

**** Lâm nghiệp***

- Hướng dẫn nhân dân chăm sóc tốt các diện tích rừng đã trồng trong những năm qua. Đôn đốc việc thực hiện công tác trồng rừng năm 2019 đảm bảo tiến độ và kế hoạch đề ra.

- Tổ chức thực hiện tết trồng cây tại các xã trên địa bàn huyện. Vận động Nhân dân, cộng đồng các bản thực hiện khoanh nuôi, tái sinh rừng để hưởng lợi lâu dài.

**** Thủy lợi, nước sinh hoạt***

- Tiếp tục rà soát hiện trạng các công trình thủy lợi để bổ sung kế hoạch duy tu, sửa chữa nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Đôn đốc UBND các xã tổ chức cho Nhân dân phát dọn, kiên cố kênh mương theo phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" đảm bảo cung cấp nước tưới cho sản xuất lúa.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn cho sản xuất lúa và phòng chống ngập úng vào mùa mưa; đảm bảo an toàn cho các đập đầu mối, kênh mương trên địa bàn.

- Chỉ đạo nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hội dùng nước tại các xã, tuyên truyền vận động người dân nâng cao ý thức trong sử dụng, bảo vệ các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn; sử dụng tiết kiệm và đảm bảo vệ sinh nguồn nước sinh hoạt.

**** Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn***

- Xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2019, duy trì thực hiện tốt công tác trực ban của thường trực Ban Chỉ huy các cấp, đảm bảo thông tin nhanh đến với toàn thể người dân về các diễn biến của thời tiết như mưa lớn, lốc xoáy, nguy cơ sạt lở đất...hạn chế thấp nhất tổn thất về người và tài sản.

- Đôn đốc UBND các xã xây dựng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn, sẵn sàng huy động nhân lực, trang thiết bị theo phương châm "4 tại chỗ".

** Công tác sắp xếp, ổn định dân cư*

- Tiếp tục rà soát các khu vực có nguy cơ thiên tai để bổ sung vào kế hoạch hỗ trợ di chuyển nhà ở cho các hộ dân theo quy định; đồng thời tuyên tuyền, vận động các hộ dân không làm nhà tại các địa điểm có nguy cơ sạt lở, lũ quét, lũ ống.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ngăn chăn dân di cư tự do. Phối hợp với cơ quan chuyên môn và UBND các xã tổ chức tuyên truyền cho người dân ổn định cuộc sống không để xảy ra du canh, di cư tự do. Quan tâm đến tâm tư, nguyện vọng và đời sống nhân dân, đặc biệt là các hộ nghèo để người dân an tâm ổn định sản xuất. Phối hợp với UBND các xã nắm chắc địa bàn, kiên quyết không để người dân từ nơi khác di cư tự do vào địa bàn huyện.

b) Hạt kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động Nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý, bảo vệ rừng; triển khai sớm phương án phòng chống cháy rừng mùa khô năm 2019 trên cơ sở ký cam kết bảo vệ rừng giữa huyện với xã, giữa xã với bản, giữa bản và các chủ rừng; Tăng cường kiểm tra các hộ gia đình, chủ rừng, các tổ đội thực hiện tốt các phương án phòng cháy, chữa cháy rừng trên diện tích rừng được giao. Tập trung lực lượng Kiểm lâm cùng các cơ quan chức năng tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cộng đồng tham gia bảo vệ và phát triển rừng. Xử lý nghiêm các vụ việc khai thác lâm sản trái phép và đốt nương không đúng quy định. Xây dựng phương án, kế hoạch, củng cố kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện và Ban chỉ huy cấp xã về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện.

Chú trọng công tác khoanh nuôi tái sinh phát triển rừng tự nhiên.

1.2. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và chương trình hỗ trợ sản xuất

a) Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Tham mưu giúp UBND huyện chỉ đạo các xã xây dựng lộ trình, có nhiệm vụ và giải pháp thực hiện cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch; ưu tiên thực hiện các tiêu chí có khả năng hoàn thành cao và cần ít nguồn lực đầu tư; kêu gọi nhân dân đồng thuận tự nguyện hiến đất, đóng góp tiền, ngày công, nguyên vật liệu tham gia xây dựng nông thôn mới theo phương châm nhà nước và Nhân dân cùng làm. Chỉ đạo đánh giá hiệu quả các dự án hỗ trợ để kịp thời có biện pháp chỉ đạo phù hợp.

- Riêng đối với xã Si Pa Phìn phấn đấu cơ bản đạt các các tiêu chí về nông thôn mới vào 2019, cần phải lập kế hoạch chi tiết từng tháng, quý, ưu tiên các tiêu chí gần hoàn thành trong quý; bố trí cán bộ cấp ủy, các đoàn thể phụ trách, giúp từng thôn, bản để giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

b) Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

Chủ động, tham mưu cho huyện trong việc tổ chức lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển trên địa bàn để đầu tư cơ sở hạ tầng tại các xã, bản theo Chương trình xây dựng nông thôn mới và Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững.

1.3. Giao thông, Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp và Thương mại – Dịch vụ

Phòng Kinh tế và Hạ tầng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Làm tốt công tác quản lý, phát triển mạng lưới giao thông trên địa bàn huyện, hành lang an toàn giao thông đường bộ, chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn huyện, từ khâu khảo sát cho đến khi thi công hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, quản lý quy hoạch xây dựng đô thị huyện lỵ Nậm Pồ, không để tình trạng các hộ gia đình xây dựng trái phép trong vùng quy hoạch. Quản lý, chỉ đạo các xã thực hiện việc xây dựng nông thôn mới, vệ sinh đường thôn, bản sạch, khơi thông hệ thống thoát nước trên các tuyến đường do bản, xã quản lý.

- Quản lý tốt các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến nông sản và sản xuất gạch không nung trên địa bàn.

- Tham mưu, theo dõi các dự án kéo điện nông thôn về các bản trên địa bàn huyện, rà soát các thôn bản chưa có điện để tiếp tục đề xuất với UBND tỉnh; các Sở, Ngành tỉnh xem xét bổ sung, đầu tư.

- Cùng các đơn vị quản lý thị trường tổ chức kiểm tra hàng hóa thị trường; nghiêm túc xử lý hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc, các mặt hàng không đảm bảo ATTP...; tăng cường kiểm tra, kiểm soát giá, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết nhất là thời điểm nhu cầu tiêu dùng tăng, các dịp lễ, tết, xử lý nghiêm và công khai các trường hợp vi phạm.

- Tập trung phát triển mạng lưới chợ, khuyến khích các doanh nghiệp, thương nhân, hộ kinh doanh trên địa bàn huyện phát triển, đa dạng hóa các mặt hàng bày bán.

- Thu hút phát triển ngành công nghiệp như phát triển đầu tư các Thủy điện vừa và nhỏ trên địa bàn huyện. Khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác xã, tổ hợp tác, kinh tế hộ, trang trại.

1.4. Lĩnh vực Tài nguyên - Môi trường

Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đến đông đảo người dân trên địa bàn huyện, tuyên truyền, hướng dẫn người dẫn sử dụng tiết kiệm các nguồn tài nguyên thiên nhiên, giảm thiểu mức độ gia tăng gây ô nhiễm môi trường.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, quản lý nhà nước về các hoạt động khoáng sản, công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn

Kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai, về các hoạt động khoáng sản, công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn nhằm chấn chỉnh công tác quản lý đối với chính quyền các xã; đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám

sát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, khai thác khoáng sản.

Tham mưu UBND huyện chỉ đạo, giám sát các đơn vị thực hiện tốt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn huyện và kế hoạch sự dụng đất năm 2019.

Tham mưu UBND huyện trong công tác giao đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đối tượng có nhu cầu theo thẩm quyền.

Tham mưu UBND huyện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của các dự án trên địa bàn huyện, thực hiện các nhiệm vụ Bảo vệ môi trường.

1.5. Quản lý điều hành Ngân sách

a) Công tác chi, quản lý, điều hành ngân sách

Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp về thu, chi NSNN, bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ chi theo kế hoạch và tuân thủ đúng Luật Ngân sách Nhà nước.

- Thường xuyên liên hệ với các Sở, ban ngành tỉnh có liên quan để cập nhập thông tin, hướng dẫn các đơn vị, chủ đầu tư sự dụng có hiệu quả các nguồn vốn được giao; Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng để thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục thực hiện cắt giảm các khoản chi mua sắm chưa thật cần thiết, giảm tối đa các cuộc hội nghị, cắt giảm các khoản chi tiếp khách, tiết kiện nhiên liệu và phương tiện đi lại; đảm bảo chi đầy đủ, đúng tiêu chuẩn, chế độ, chính sách đặc biệt lưu ý các chính sách chi trực tiếp cho con người.

- Tổ chức thực hiện tốt các quy định về công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách của từng cấp, từng cơ quan, đơn vị; các quỹ tài chính để tăng cường quyền giám sát của các đoàn thể xã hội, người lao động và Nhân dân. Tiếp tục duy trì tốt hoạt động hạ tầng truyền thông, hệ thống quản lý thông tin ngân sách và kho bạc (TABMIS).

b) Công tác thu ngân sách Nhà nước

Chi cục thuế huyện chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan, UBND các xã:

- Xây dựng kế hoạch tiến độ thu ngân sách và giải pháp thu cụ thể cho theo từng quý.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành pháp luật thuế, tự giác kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật. Tăng cường công tác thanh tra tại trụ sở người nộp thuế, ngăn chặn kịp thời các hoạt động gian lận thương mại, trốn thuế nhất là các khoản thu liên quan đến thuế tài nguyên, bất động sản, kinh doanh dịch vụ, xây dựng cơ bản.

- Quản lý chặt chẽ các nguồn thu trên địa bàn, thu đúng, thu đủ, kịp thời các khoản phí, lệ phí vào ngân sách Nhà nước, phấn đấu thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt và vượt Kế hoạch tỉnh giao và nghị quyết HĐND huyện giao.

c) Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã:

- Thực hiện đúng Luật ngân sách nhà nước, nghiệp vụ kế toán theo quy định; điều hành chi ngân sách trong phạm vi dự toán đã được giao; chi tiêu triệt để tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ quy định, lồng ghép các chính sách, xây dựng phương án tiết kiệm để thực hiện ngay từ khâu phân bổ dự toán và cả trong quá trình quản lý thực hiện nhiệm vụ chi.

1.6. Lĩnh vực đầu tư công

a) Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì phối hợp với các đơn vị, các xã:

- Nâng cao chất lượng công tác tham mưu chỉ đạo điều hành, quản lý kế hoạch vốn đầu tư, kiểm soát và thực hiện đúng các quy định về phân bổ bố trí và sử dụng vốn đầu tư thuộc các nguồn vốn. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện các dự án khả năng hoàn thành trong năm 2019 để sớm đưa vào sự dụng, phát huy hiệu quả đầu tư.

- Thu hút nguồn lực đầu tư vào huyện thông qua các nhà đầu tư nhằm phát triển kinh tế - xã hội huyện; Tập trung nguồn lực cho những ngành, những lĩnh vực đầu tư còn hạn chế của huyện; nâng cao năng lực và hiệu lực hoạt động của các cơ quan có nhiệm vụ kiểm tra, giám sát kết quả quản lý và sử dụng đầu tư công. Quy định rõ ràng trách nhiệm của cơ quan chính quyền nhà nước mỗi cấp trước kết quả quản lý đầu tư công của cấp đó. Đổi mới công tác thanh tra, giám sát tài chính trong toàn bộ quá trình quản lý tài chính công.

- Tập trung đôn đốc các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng, kế hoạch vốn bố trí đến đâu thực hiện đến đó, không để phát sinh thêm khối lượng gây nợ xây dựng cơ bản. Chủ động rà soát báo cáo UBND huyện điều chỉnh kế hoạch vốn đối với các dự án chậm tiến độ, các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp và những khó khăn, vướng mắc trong triển khai các công trình, dự án trên địa bàn. Đẩy nhanh tiến độ đến hết Quý I năm 2019 các dự án đã đủ điều kiện phải khởi công và hoàn thành trước 31/12/2019.

- Phối hợp với kho bạc nhà nước và các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả sự dụng vốn đầu tư, đối với các dự án sắp hoàn thành, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ, hoàn thiện thủ tục pháp lý, nghiệm thu khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán, giải ngân hết số vốn cho các nhà thầu, đối với dự án hoàn thành đưa vào sự dụng khẩn trương phê duyệt quyết toán.

- Thực hiện nhiệm vụ tổng hợp và thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư các dự án, cử công chức, viên chức hướng dẫn cấp xã thực hiện các dự án đầu tư công do UBND các xã làm Chủ đầu tư. Tổ chức rà soát kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2019-2020 và xây dựng kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

b) Phòng Kinh tế - Hạ tầng chủ trì phối hợp với các đơn vị, các xã:

- Đẩy nhanh tiến độ và chất lượng thẩm định các dự án do huyện quyết định đầu tư và UBND các xã làm chủ đầu tư đảm bảo chặt chẽ, đúng trình tự, thủ tục theo

quy định. Tăng cường kiểm tra thực tế hiện trường khi tiến hành thẩm định đảm bảo quy mô đầu tư, đơn giá xây dựng phù hợp với thực tế, kiên quyết cắt giảm quy mô, hạng mục và các chi phí không cần thiết và không bắt buộc, sử dụng các vật liệu xây dựng chủ yếu theo thông báo giá để tiết kiệm nguồn vốn đầu tư.

- Thực hiện nhiệm vụ về quản lý đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định của pháp luật, chú trọng công tác giám sát của cộng đồng.

c) Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Tổ chức phát triển quỹ đất, các chủ đầu tư và UBND các xã:

Đẩy nhanh tiến độ lập phương án bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng đối với các công trình, dự án cần thu hồi đất để triển khai các dự án; tuyên truyền, vận động người dân tự nguyện trả lại đất đối với các công trình không bố trí kinh phí bồi thường, hỗ trợ (công trình, dự án Nhà nước và Nhân dân cùng thực hiện).

d) Thanh tra huyện chủ trì phối hợp với các phòng, ban và các xã:

Thanh tra theo kế hoạch kế hoạch đã được phê duyệt năm 2019.

e) Ban quản lý các công trình và các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư:

Khẩn trương hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư các công trình khởi công mới năm 2019. Lựa chọn các đơn vị tư vấn có đủ năng lực để lập báo cáo kinh tế kỹ thuật. Theo chức năng nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của đơn vị mình, kịp thời phát hiện những sai sót để chấn chỉnh và xử lý. Tăng cường trách nhiệm hơn nữa trong việc triển khai thực hiện, giải ngân, quyết toán các dự án được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư và gắn nhiệm vụ thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng với kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình.

2. Phát triển văn hóa - xã hội

2.1 Về lĩnh vực Xóa đói giảm nghèo, thực hiện an sinh xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm và công tác người có công; phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách đối với người có công; tiếp tục Phối hợp với các cấp, các ngành thực hiện tốt công tác hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở; hỗ trợ sản xuất, vay vốn tạo việc làm cho người có công và thân nhân người có công, công tác hậu phương quân đội; tiếp tục vận động các tổ chức, cá nhân, ủng hộ quỹ Đền ơn đáp nghĩa để chăm lo đời sống cho người có công và gia đình người có công, phấn đấu hết năm 2019 không còn gia đình người có công đang hưởng trợ cấp thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

- Phối hợp tổ chức thực hiện tốt các Chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo, đặc biệt Chương trình giảm nghèo bền vững huyện Nậm Pồ giai đoạn 2017-2020, trong đó chú trọng công tác điều tra, đánh giá hộ nghèo, cận nghèo, hộ thoát nghèo, tuyên truyền vận động hộ nghèo đăng ký thoát nghèo; làm tốt công tác quản lý, theo dõi hộ nghèo, phân loại hộ nghèo theo các nguyên nhân

nghèo, theo chiều thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản để có kế hoạch, giải pháp hỗ trợ phù hợp.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện các chương trình, dự án, chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội, kịp thời tham mưu cho huyện tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong thực hiện chính sách.

- Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội và công tác trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội, đảm bảo kịp thời, đúng chế độ, đúng đối tượng thụ hưởng.

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động sau học nghề.

- Thực hiện giải quyết việc làm thông qua các chương trình tín dụng ưu đãi; các chương trình hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, chương trình xuất khẩu lao động; khuyến khích, vận động các doanh nghiệp trên địa bàn giải quyết việc làm cho lao động người địa phương; đồng thời tuyên truyền, vận động lao động địa phương tham gia lao động tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh theo chương trình của tỉnh. Thực hiện tốt công tác tyên truyền về xuất khẩu lao động.

- Tích cực phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức đoàn thể thực hiện tốt công tác rà soát, lập hồ sơ cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, cai nghiện tại trung tâm cai nghiện của tỉnh; thống nhất kế hoạch, phương án, cách thực hiện đảm bảo đạt chỉ tiêu số lượng và chất lượng, hiệu quả; thực hiện quản lý, giúp đỡ người nghiện tái hòa nhập cộng đồng sau cai nghiện. Nêu cao vai trò trách nhiệm của các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể và gia đình trong quản lý, giúp đỡ người nghiện sau cai, phòng, chống tái nghiện; thực hiện tốt Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về đấu tranh phòng, chống, kiểm soát ma túy. Tiếp tục rà soát, nêu gương người nghiện đã cai nghiện thành công nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền về tự cai nghiện ma túy.

b) Ngân hàng Chính sách xã hội huyện

Tiếp tục công khai đến người dân hạn mức vay, thủ tục quy trình vay vốn, các chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo, vùng nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, khu vực nông nghiệp, nông thôn trong việc tiếp cận vay vốn tín dụng và tín dụng ưu đãi để phát triển mở rộng sản xuất.

2.2. Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

Chủ động tham mưu lồng ghép việc triển khai thực hiện các mục tiêu về bảo vệ và chăm sóc trẻ em vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng dân cư và cha mẹ, người giám hộ của trẻ trong công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, y tế, vấn đề tảo hôn, mua bán, xâm hại, bạo lực trẻ em...; tiếp tục vận động ủng hộ Quỹ Bảo trợ trẻ em để chăm lo đời sống, tinh

thần cho trẻ em tốt hơn. Phấn đấu năm 2019 có 6 xã đạt tiêu chuẩn xã phù hợp với trẻ em.

2.3. Nâng cao chất lượng quản lý giáo dục và đào tạo

Phòng Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Rà soát, sắp xếp mạng lưới trường, lớp học cho phù hợp. Tăng số học sinh/lớp ở tất cả các cấp học đảm bảo theo đúng quy định; mở các lớp ghép ở cấp mầm non và tiểu học tại các điểm trường hoặc các trường có số học sinh/lớp thấp. Thực hiện tiết kiệm biên chế giáo viên, nhân viên kế toán, nhân viên y tế trường học.

- Chủ động xây dựng kế hoạch và giao kế hoạch cho các trường về việc duy trì sĩ số và đảm bảo các tiêu chí về phổ cập. Tổ chức thanh tra, kiểm tra thường xuyên và đột xuất về công tác phổ cập.

- Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo phương pháp hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Thực hiện đổi mới căn bản hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá hướng đến mục tiêu phát triển năng lực, phẩm chất người học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Phối hợp sử dụng kết quả đánh giá trong quá trình học với đánh giá cuối kỳ, cuối năm học; đánh giá của người dạy và tự đánh giá của người học; đánh giá của nhà trường với đánh giá của gia đình và xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia; kêu gọi thu hút các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất. Gắn việc xây dựng trường chuẩn với đánh giá xếp loại cán bộ quản lý nhà trường.

- Phân định rõ quản lý nhà nước về giáo dục với công tác quản lý trường học. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước. Nâng cao trách nhiệm của Hiệu trưởng trong lãnh đạo, điều hành nhà trường, tham mưu với cấp ủy, chính quyền địa phương và tư vấn giáo dục cho xã hội. Phát huy vai trò của cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể ở địa phương, sự tham gia của xã hội đối với quá trình trình giáo dục.

2.4. Nâng cao chất lượng công tác Y tế và Dân số - Kế hoạch hóa gia đình

Phòng Y tế, Trung tâm y tế, Trung tâm dân số và UBND các xã:

- Triển khai công tác phòng, chống dịch chủ động, dự báo, phát hiện sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra. Giám sát chặt chẽ, ngăn chặn kịp thời bệnh dịch truyền nhiễm. Đảm bảo các nguồn lực, sẵn sàng ứng phó kịp thời khi dịch bệnh xảy ra và các tình huống khẩn cấp.Tăng cường phát hiện, quản lý, điều trị, dự phòng lây nhiễm HIV và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc, điều trị HIV/AIDS. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số, đặc biệt tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo triển khai thực hiện nâng cao chất lượng và tỷ lệ tiêm chủng các loại vắc xin và giảm tỷ lệ tử vong trẻ em dưới 5 tuổi trên địa bàn.

- Nâng cao y đức và thực hiện tốt quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, dịch vụ y tế nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức

khỏe cho nhân dân. Đảm bảo chế độ chính sách khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng chính sách khác, không để xảy ra việc lạm dụng và trục lợi quỹ BHYT. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, nâng cao y đức; xây dựng bệnh viện xanh - sạch - đẹp, an toàn, văn minh, hướng tới thực hiện chăm sóc người bệnh toàn diện. Tăng cường công tác chỉ đạo tuyến, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho Phòng khám đa khoa khu vực, Trạm Y tế xã.

- Xây dựng Kế hoạch và phân bổ các chỉ tiêu dân số - KHHGĐ cụ thể xuống các cơ sở xã để tổ chức triển khai thực hiện; dự trù các phương tiện tránh thai, tiếp nhận, bảo quản và cung cấp đầy đủ, đúng đối tượng sử dụng. Thực hiện có hiệu quả các hoạt động nâng cao chất lượng dân số theo tinh thần Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 đề ra.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý hành nghề y dược tư nhân.

2.5 Công tác Dân tộc và Tôn giáo

*a) Phòng Dân tộc và UBND các xã:*Tham mưu, thực hiện tốt các chính sách chương trình, dự án, đề án, mô hình phát triển kinh tế - xã hội, hỗ trợ ổn định cuộc sống đối với đồng bào dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc.

b) Phòng Nội vụ chủ trì, phối hợp với Công an huyện và UBND các xã:

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, ngăn chặn, phá bỏ các tà đạo như Giê sùa; ngăn chặn các tà đạo khác xâm nhập vào địa bàn.

- Tham mưu thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về Tôn giáo.

- Chủ động tham mưu có các biện pháp ngăn chặn việc tuyên truyền đạo trái pháp luật, giải quyết kịp thời các vụ việc có liên quan đến Tôn giáo xảy ra trên địa bàn huyện.

2.6. Nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân và tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền

Phòng Văn hóa - Thông tin, Đài Phát thanh - Truyền hình huyện và UBND các xã:

- Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các sự kiện, ngày lễ, kỷ niệm lớn của đất nước diễn ra trong năm. Trọng tâm tuyên truyền các sự kiện mừng Đảng, mừng Xuân; kỷ niệm 65 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; 110 năm thành lập tỉnh Điện Biên; 70 năm thành lập Đảng bộ tỉnh.

- Tham mưu xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; Kế hoạch thực hiện công tác gia đình; Kế hoạch tuyên truyền Cải cách hành chính. Tổ chức các hoạt động văn hóa nhằm phát huy, duy trì các giá trị văn hóa, lễ hội truyền thống, bản sắc dân tộc. Tổ chức phong trào TDTT quần chúng, nâng cao sức khỏe, thể chất của người dân.

- Chuẩn bị chu đáo các điều kiện cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đăng cai tổ chức Hội thi tuyên truyền lưu động tỉnh Điện Biên lần thứ XVII.

- Tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật phát thanh truyền hình trên địa bàn, đảm bảo đáp ứng tốt hơn yêu cầu tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước đến đông đảo Nhân dân trên địa bàn huyện.

3. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu quả công tác tư pháp, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, tăng cường phòng, chống tham nhũng; thi đua khen thưởng

3.1. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền, nâng cao hiệu quả công tác tư pháp

a) Phòng Nội vụ chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Tham mưu xây dựng và ban hành tổ chức thực hiện kế hoạch cải cách hành chính năm 2019.

- Xây dựng Đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh sắp xếp lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện khi có quy định của Chính phủ; Phối hợp xây dựng các đề án hợp nhất các cơ quan Đảng với cơ quan khối chính quyền khi có chủ trương.

- Xây dựng Đề án trình UBND tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, sắp xếp lại tổ chức bộ máy bên trong của UBND huyện theo hướng tinh gọn đầu mối, kiên quyết cắt giảm số lượng, sắp xếp lại các cơ quan, đơn vị trên cơ sở quy định về tiêu chí thành lập, số lượng biên chế tối thiểu của cơ quan, đơn vị.

- Tăng cường kiểm tra để nâng cao ý thức trách nhiệm, kỷ cương, kỷ luật hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức các cấp gắn với việc đào tạo, bồi dưỡng về phẩm chất chính trị, trình độ chuyên môn, các kỹ năng trong thực hiện nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, từng bước chuẩn hóa cán bộ công chức.

- Xây dựng kế hoạch và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; dân vận chính quyền năm 2019 trên địa bàn huyện. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã thực hiện đúng các nội dung theo quy định.

- Hoàn thiện hồ sơ hiệu chỉnh, điều chỉnh đường địa giới hành chính các xã thuộc huyện trình UBND tỉnh.

b) Phòng Tư pháp chủ trì phối hợp với các phòng, ban và các xã:

Tiếp tục rà soát, kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật trong thực hiện quản lý ở địa phương theo hướng tinh giảm, tiết kiệm, chi phí, nâng cao hiệu quả.

c) Văn phòng HĐND - UBND huyện chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Thực hiện thường xuyên hoạt động rà soát, đánh giá việc thực hiện thủ tục hành chính, trọng tâm một số lĩnh vực liên quan trực tiếp đến người dân.

- Thường xuyên cập nhập chế độ chính sách để thực hiện rà soát, đề xuất cắt giảm thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý điều hành; đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc trong nội bộ cơ quan.

3.2. Đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng

a) Phòng Văn hóa - Thông tin huyện và Đài Phát thanh - Truyền hình huyện:

Tuyên truyền, vận động tạo chuyển biến mạnh mẽ trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí gắn với tiếp tục thực hiện việc ***"Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"***.

b) Thanh tra huyện chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Tổ chức thanh tra theo kế hoạch, hướng vào việc phát hiện, chấn chỉnh và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật; tăng cường thanh tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước, những lĩnh vực dư luận, xã hội quan tâm.

- Giải quyết kịp thời các vụ việc, đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền. Nâng cao chất lượng công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo của công dân, không để xảy ra những vấn đề nổi cộm, khiếu kiện đông người.

c) Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã: Đẩy mạnh công tác tự kiểm tra trên lĩnh vực; công khai, minh bạch trong hoạt động giải quyết các công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; minh bạch tài sản thu nhập; trách nhiệm của giải trình của cơ quan quản lý nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trên lĩnh vực mình quản lý.

3.3. Đẩy mạnh phong trào thi đua khen thưởng

Tất cả các cơ quan, đơn vị, UBND các xã: Phát động thành phong trào thi đua sôi nổi trong cả năm 2019 hướng mục tiêu thi đua vào thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2019. Phòng Nội vụ tổ chức kiểm tra và tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định.

4. Thực hiện tốt nhiệm vụ đảm bảo An ninh, quốc phòng và đối ngoại

a) Ban Chỉ huy quân sự chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Triển khai dầy đủ nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương theo kế hoạch. Tăng cường tuyên truyền nâng cao trách nhiệm của mọi cán bộ, nhân dân về nghĩa vụ tham gia bảo vệ tổ quốc và xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trân biên phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân ở địa bàn cơ sở, đơn vị. Đảm bảo chất lượng và an toàn các cuộc diễn tập, luyện tập, huấn luyện.

- Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàn chiến đấu; nắm chắc tình hình không để bị động bất ngờ trong mọi tình huống; kịp thời đề xuất đối sách xử lý các tình huống đạt hiệu quả cao, đúng quy định.

b) Công an huyện chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã:

- Quán triệt sâu sắc trong cán bộ và nhân dân nhiệm vụ bảo vệ an trật tự của cơ quan, đơn vị và địa bàn ở bản, nhóm dân cư; trách nhiệm của từng cấp, từng đoàn thể, từng cá nhân trong việc tham gia bảo đảm an ninh trật tự, nhất là phòng chống

tội phạm, đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ, bảo vệ bí mật nhà nước, chấp hành chủ trương chính sách của Nhà nước, ...

- Triển khai các nội dung kế hoạch bảo đảm ANTT. Nắm chắc tình hình, không để đột xuất, bất ngờ xảy ra. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn hoạt động lập "Vương quốc Mông", lợi dụng tôn giáo, di cư tự do, xuất cảnh trái phép; bảo vệ an toàn các mục tiêu trọng điểm, các Đoàn lãnh đạo của Đảng, nhà nước, tỉnh vào địa bàn huyện, các hoạt động kỷ niệm; liên tục tấn công trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội phạm mua bán người, ma túy, tham nhũng, môi trường,... tăng cường công tác quản lý nhà nước về ANTT, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc.

c) Văn phòng HĐND - UBND huyện chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị và UBND các xã biên giới:

Duy trì tốt công tác giao ban, tổ chức tọa đàm, phối hợp trao đổi tình hình với các địa phương, đơn vị chính quyền của nước bạn Lào và tổ chức đoàn giao lưu văn hóa nước bạn Lào.

Trên đây là Chương trình giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh; dự toán thu, chi ngân sách và đầu tư công năm 2019 của huyện Nậm Pồ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thái

Nơi nhận:
- UBND tỉnh
- Sở Tài chính
- Sở Kế hoạch và Đầu tư

(báo cáo);

- TT Huyện ủy;
- Lãnh đạo HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, MTTQ, đoàn thể huyện;
- UBND các xã;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH (2b).

27/12

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 05 /2018/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Xét Tờ trình số 3528/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên V/v Ban hành Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh Ban hành chính sách hỗ trợ sản xuất nông - lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khoá XIV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Muôn

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND-UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo, CV VP HĐND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh; Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05 /2018/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên sử dụng nguồn ngân sách địa phương. Đối với các chính sách sử dụng nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp thực hiện theo quy định của từng chính sách.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân, tổ chức (doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp) tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản; người tham gia phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã/Ban Quản lý dồn điền, đổi thửa xã, phường, thị trấn (gọi tắt là Ban Quản lý cấp xã), Hợp tác xã nông nghiệp, Ban phát triển thôn, bản có diện tích thực hiện dồn điền, đổi thửa.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ

Hộ gia đình, cá nhân, Hợp tác xã, Tổ hợp tác, Doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh) tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (gọi chung là các bên tham gia liên kết).

Các đối tượng tham gia các dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm bằng nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh

mục dự án (hỗ trợ phần còn thiếu và chưa được quy định trong chính sách). Ban Quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới xã/Ban Quản lý dồn điền, đổi thửa xã, phường, thị trấn, Hợp tác xã nông nghiệp, Ban phát triển thôn, bản.

2. Điều kiện hỗ trợ

Sản phẩm của các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp của các dự án liên kết được hỗ trợ phải gắn với sản phẩm lợi thế và liên kết phải đảm bảo quy mô liên kết tối thiểu theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh (ngoại trừ liên kết sản xuất rau công nghệ cao).

Phải có giấy chứng nhận hoặc cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; khuyến khích sử dụng các sản phẩm công nghệ tiên tiến, sinh học, hữu cơ trong sản xuất.

Liên kết đảm bảo ổn định: Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu 5 năm; đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu 03 năm.

Dự án hợp tác, liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ phải được cơ quan chuyên môn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

3. Nội dung và mức hỗ trợ

a) Đối với hộ gia đình, cá nhân:

Hỗ trợ giống, vật tư thiết yếu theo các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 03 vụ hoặc chu kỳ sản xuất, cụ thể: Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo. Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn còn lại. Mức hỗ trợ tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ gia đình tham gia 01 dự án.

b) Đối với Hợp tác xã nông nghiệp, tổ hợp tác, doanh nghiệp:

Hỗ trợ không quá 100 triệu đồng chi phí mua bao bì, nhãn mác, kiểm định chất lượng sản phẩm, khai thác chỉ dẫn địa lí 03 vụ hoặc chu kỳ sản xuất trong thời gian hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí làm nhà xưởng, mua máy móc, trang thiết bị sơ chế, vận chuyển, bảo quản, chế biến các sản phẩm, nhưng không quá 500 triệu đồng/dự án; đối với các dự án thuộc Chương trình nông thôn mới được hỗ trợ bổ sung tối đa 350 triệu đồng/dự án.

Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật công nghệ tưới tiết kiệm nước: Hỗ trợ tối đa 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn; hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/ha.

Hỗ trợ sản xuất nông sản chất lượng cao (rau, hoa, củ, quả), an toàn thực phẩm, ứng dụng công nghệ cao, bảo vệ môi trường: Hỗ trợ chi phí xây dựng hệ thống nhà lưới, nhà kính (nhà màng). Mức hỗ trợ tối đa không quá 40 triệu đồng/1.000 m^2 đối với nhà lưới, không quá 100 triệu đồng/1.000 m^2 đối với nhà kính (nhà màng). Hạn mức tối đa không quá 2.000 m^2/hộ gia đình/cá nhân và

05

không quá 5.000 m^2 đối với các tổ chức, doanh nghiệp/hợp tác xã/tổ hợp tác.

c) Hỗ trợ công tác chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai cho Ban Quản lý cấp xã, Hợp tác xã nông nghiệp hoặc Ban Phát triển thôn, bản để thực hiện dồn điền, đổi thửa tạo vùng sản xuất tập trung, cụ thể như sau:

Hỗ trợ Ban Quản lý cấp xã: 05 triệu đồng/xã/năm.

Hỗ trợ tối đa Hợp tác xã nông nghiệp, Tổ hợp tác hoặc Ban Phát triển thôn, bản theo các mức diện tích sau: Từ 03 đến dưới 10 ha hỗ trợ 5 triệu đồng; từ 10 đến dưới 50 ha hỗ trợ 15 triệu đồng; từ 50 đến dưới 100 ha hỗ trợ 20 triệu đồng; trên 100 ha 25 triệu đồng.

Mức chi công tác chỉ đạo, tuyên truyền áp dụng theo quy định tại Nghị quyết số 83/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

d) Hỗ trợ 100% kinh phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính; cấp đổi, cấp mới Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ có diện tích dồn điền, đổi thửa tạo vùng sản xuất tập trung. Mức chi áp dụng theo quy định của Nhà nước.

đ) Hỗ trợ tiêu thụ, xúc tiến thương mại: Hàng năm hỗ trợ 500 triệu đồng cho các hoạt động hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm, quảng bá, xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 4. Hỗ trợ phát triển Chăn nuôi trâu, bò

1. Hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện để được hỗ trợ: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi trâu, bò đực địa phương đạt tiêu chuẩn và có cam kết nuôi trâu, bò đực giống để phục vụ phối giống cho đàn trâu, bò tại địa phương trong thời gian tối thiểu 02 năm.

c) Định mức, hạn mức hỗ trợ: Hỗ trợ chủ hộ chăn nuôi trâu, bò đực giống 03 triệu đồng/con/năm (thời gian hỗ trợ không quá 4 năm).

2. Hỗ trợ cải tạo đàn bò địa phương bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện để được hỗ trợ:

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi bò cái sinh sản trên địa bàn tỉnh Điện Biên có nhu cầu thụ tinh nhân tạo.

Chỉ hỗ trợ cho cơ sở thụ tinh nhân tạo khi tỷ lệ thụ thai đạt từ 70% trở lên so với số lượng bò được thụ tinh.

c) Định mức, hạn mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tinh bò giống hướng thịt Zebu, Nitơ bảo quản tinh, vật tư phối giống (tinh đông lạnh, ni tơ lỏng, găng tay, dẫn tinh quản), cước vận chuyển, công phối giống.

3. Hỗ trợ thiến trâu, bò đực không đủ tiêu chuẩn làm con giống

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện để được hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trâu, bò đực (khu vực thực hiện cải tạo đàn trâu, bò địa phương bằng phối giống trực tiếp/khu vực thụ tinh nhân tạo) không đủ tiêu chuẩn làm giống cần thiến.

c) Định mức, hạn mức hỗ trợ:

Hỗ trợ cho hộ gia đình có trâu, bò đực địa phương không đủ tiêu chuẩn làm giống phải thiến: Mức hỗ trợ 200 nghìn đồng/con.

Hỗ trợ công thiến bằng phương pháp kìm thiến cho kỹ thuật viên thực hiện là 300 nghìn đồng/con.

4. Hỗ trợ mở điểm thụ tinh nhân tạo mới và đào tạo kỹ thuật viên dẫn tinh

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Đối với điểm thụ tinh nhân tạo: Trạm thú y các huyện, thị xã, thành phố (hoặc Trung tâm hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp các huyện).

Đối với kỹ thuật viên dẫn tinh: Là viên chức thú y cấp huyện hoặc nhân viên thú y cấp xã.

c) Định mức và hạn mức hỗ trợ:

Đối với mở điểm thụ tinh nhân tạo: Hỗ trợ 100% kinh phí mua mới vật tư phục vụ công tác thụ tinh nhân tạo gồm: bình bảo quản ni tơ, bình ni tơ xách tay để đi phối, súng bắn tinh, kìm thiến bò, kính hiển vi,... Mỗi huyện/thị xã/thành phố chỉ được hỗ trợ 01 điểm, mỗi điểm chỉ được hỗ trợ 01 lần (trong năm đầu mở điểm).

Hỗ trợ đào tạo kỹ thuật viên dẫn tinh: Hỗ trợ một lần 100% kinh phí đào tạo, tập huấn cho các cá nhân về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc. Mức hỗ trợ không quá 8 triệu đồng/01 người sau khi hoàn thành khóa đào tạo có chứng chỉ của cơ sở đào tạo. Mỗi điểm được hỗ trợ đào tạo không quá 02 kỹ thuật viên dẫn tinh.

Điều 5. Hỗ trợ thú y

1. Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng bệnh cho gia súc, gia cầm

a) Đối tượng hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân, hợp tác xã.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Hàng năm Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thống kê số lượng gia súc, gia cầm và đăng ký số lượng vắc xin tiêm phòng dựa trên cơ sở thống kê và cam kết sử dụng vắc xin của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Từ kinh phí được giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mua vắc xin cấp cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tiêm phòng cho gia súc, gia cầm trong địa bàn quản lý.

c) Nội dung và định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng gia súc, gia cầm cho các đối tượng trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố chưa có chính sách quy định hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương theo Nghị quyết 30a của Chính phủ, Chương trình Quốc gia

05

phòng chống bệnh Lở mồm long móng, cụ thể:

Vắc xin tụ huyết trùng trâu, bò: Tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn; tiêm 2 lần/năm.

Vắc xin lở mồm long móng tiêm trâu, bò: Tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn; tiêm 2 lần/ năm.

Vắc xin dịch tả lợn: Tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn; tiêm 2 lần/năm.

Vắc xin tụ huyết trùng lợn: Tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn; tiêm 2 lần/năm.

Vắc xin nhiệt thán: Tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn vùng ổ dịch cũ, khu vực nguy cơ cao do cơ quan chuyên ngành thú y cấp huyện xác định; tiêm 1 lần/năm.

Vắc xin cúm gia cầm: Tỷ lệ tiêm đạt trên 80% tổng đàn trong địa bàn thành phố Điện Biên Phủ, 12 xã lòng chảo huyện Điện Biên và hộ nuôi gia cầm ở các địa phương khác có quy mô đàn từ 500 con trở lên khi có đăng ký; tiêm 2 lần/năm.

2. Hỗ trợ tiền công, vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, công phun hóa chất sát trùng

a) Đối tượng hỗ trợ: Người trực tiếp tham gia tiêm phòng, phun phòng.

b) Điều kiện hỗ trợ:

Hỗ trợ tiền công cho người trực tiếp tiêm phòng, phun phòng sau khi có xác nhận của hộ chăn nuôi sử dụng vắc xin và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Hỗ trợ bằng tiền mặt và vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm phòng, phun phòng cho người tham gia tiêm phòng, phun phòng.

c) Định mức hỗ trợ:

Hỗ trợ cho cán bộ thôn, bản, tổ dân phố tham gia tiêm, phun phòng; tiền công tiêm phòng; vật tư, bảo hộ, dụng cụ tiêm, phun phòng (bao gồm cả bình phun hóa chất).

Mức hỗ trợ tiền công phun hóa chất: 50.000 đồng/1.000 m^2 diện tích phun hóa chất.

d) Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí sử dụng ngân sách cấp huyện.

3. Hỗ trợ kinh phí cho chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm bị rủi ro (chết) do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin

a) Đối tượng hỗ trợ: Chủ vật nuôi có gia súc, gia cầm chết do phản ứng sau tiêm phòng vắc xin.

b) Điều kiện hỗ trợ: Gia súc, gia cầm chết do phản ứng sau tiêm phòng các loại vắc xin trong diện hỗ trợ được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xác minh.

c) Định mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% giá trị gia súc, gia cầm theo giá thị trường tại thời điểm xảy ra rủi ro.

d) Kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí sử dụng ngân sách cấp huyện.

4. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, kiến thức cho viên chức và nhân viên thú y cơ sở

Hỗ trợ tập huấn 1 lần/năm cho viên chức và nhân viên thú y cơ sở.

Điều 6. Hỗ trợ sản xuất, phát triển Lâm nghiệp

1. Hỗ trợ hộ gia đình, cá nhân chuyển đất nương, đất trống sang trồng rừng sản xuất và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên

a) Đối tượng hỗ trợ:

Hộ gia đình, cá nhân tham gia chuyển đổi đất nương, đất trống (thực bì trạng thái Ia,Ib) thuộc quy hoạch rừng sản xuất sang trồng rừng phải có liên kết sản xuất.

Hộ gia đình, cá nhân tham gia chuyển đổi đất trống có cây gỗ tái sinh (trạng thái Ic) thuộc quy hoạch rừng phòng hộ sang thực hiện khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên.

b) Điều kiện hỗ trợ: Hộ gia đình, cá nhân có diện tích đất nương, đất trốngđã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trường hợp diện tích đất đăng ký trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp.

c) Mức hỗ trợ: Ngoài mức hỗ trợ từ các chính sách bảo vệ và phát triển rừng hiện hành của Trung ương; ngân sách tỉnh hỗ trợ bổ sung mức cụ thể:

Đối với trồng rừng sản xuất hỗ trợ 2,5 triệu/ha/năm, thời gian hỗ trợ: 4 năm.

Đối với khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên hỗ trợ 2,5 triệu/ha/năm, thời gian hỗ trợ: 6 năm.

2. Hỗ trợ chi phí lập hồ sơ giao khoán lần đầu đối với trồng rừng sản xuất, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên không trồng bổ sung và bảo vệ rừng

a) Đối tượng hỗ trợ: Chủ đầu tư công trình lâm sinh.

b) Điều kiện hỗ trợ: Có hồ sơ thiết kế, dự toán được phê duyệt.

c) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 50.000 đồng/ha.

3. Hỗ trợ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trồng rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng.

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng có đăng ký trồng rừng trên đất được quy hoạch rừng sản xuất, phòng hộ; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên được quy hoạch rừng phòng hộ chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp; có hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đã được phê duyệt.

c) Mức hỗ trợ: 300 nghìn đồng/ha.

4. Hỗ trợ bảo vệ và phát triển cây hoa Ban

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện bảo vệ và trồng cây hoa Ban tập trung trên địa bàn tỉnh Điện Biên trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trường hợp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp. Diện tích thực hiện bảo vệ và trồng tập trung cây hoa Ban tối thiểu 03 ha. Hỗ trợ thông qua bố trí vốn cho từng dự án được phê duyệt.

c) Mức hỗ trợ:

Hỗ trợ nhân công bảo vệ, trồng bổ sung (đối với những diện tích có mật độ cây thưa) diện tích cây hoa Ban tự nhiên mọc tập trung nhiều: Ngoài mức hỗ trợ từ các chính sách bảo vệ và phát triển rừng hiện hành của Trung ương, hỗ trợ thêm 01 triệu đồng/ha/năm.

Hỗ trợ trồng: 80 triệu đồng/ha/4 năm.

Điều 7. Hỗ trợ phát triển cây hoa Anh Đào → chỉ áp dụng M. Phỳ

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thực hiện trồng tập trung cây hoa Anh Đào tại các xã Mường Phăng và Pá Khoang, huyện Điện Biên trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; trường hợp chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận không có tranh chấp. Diện tích trồng tập trung cây hoa Anh Đào tối thiểu 03 ha đối với tổ chức, doanh nghiệp; tối thiểu 01 ha trở lên đối với hộ gia đình, cá nhân. Hỗ trợ thông qua bố trí vốn cho từng dự án được phê duyệt.

c) Mức hỗ trợ: 130 triệu đồng/ha/4 năm.

Điều 8. Hỗ trợ phát triển thủy sản

1. Hỗ trợ phát triển nuôi cá Tầm/cá Hồi vân trong bể xây

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia nuôi cá có đăng ký cam kết nuôi an toàn thực phẩm. Thể tích bể nuôi tối thiểu 20 m^3/bể.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí xây bể.

d) Định mức và hạn mức hỗ trợ: 10 triệu đồng/bể nhưng không quá 100 triệu đồng/hộ gia đình/cá nhân; không quá 150 triệu/tổ chức.

Nậm khẩn → 2. Hỗ trợ phát triển nuôi các loài cá có giá trị kinh tế cao (Cá Lăng, cá Tầm, cá Chép giòn, cá Trắm giòn,...) trong lồng tại các hồ thủy lợi, thủy điện

a) Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

b) Điều kiện hỗ trợ: Lồng nuôi cá có thể tích tối thiểu 50m^3/lồng.

c) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ kinh phí làm lồng, bè khung bằng kim loại.

d) Định mức và hạn mức hỗ trợ: 15 triệu đồng/lồng nhưng không quá 60

triệu đồng/ hộ gia đình, cá nhân; không quá 90 triệu đồng/Tổ chức.

Điều 9. Nguồn kinh phí

Nguồn ngân sách của tỉnh và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III
QUY ĐỊNH CHUYỂN TIẾP

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh Điện Biên và các văn bản hướng dẫn có liên quan thì tiếp tục thực hiện cho đến khi hoàn thành.

2. Đối với các nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất nông lâm nghiệp và thủy sản được xây dựng theo quy định tại Nghị quyết số 322/2013/NQ-HĐND ngày 13/12/2013 của HĐND tỉnh nhưng chưa được phê duyệt hoặc đã phê duyệt nhưng chưa thực hiện thì điều chỉnh theo quy định tại Nghị quyết này./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Muôn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 06 /2018/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 04 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 121/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh";

Xét tờ trình số 3498/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số 78/BC-VHXH ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh" (đã bao gồm kinh phí thực hiện các phong trào, cuộc vận động ở cơ sở, khu dân cư được quy định trước đây) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này được áp dụng cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (xã, phường, thị trấn); Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư (thôn, bản, tổ dân phố) và các cơ quan, tổ chức liên quan.

Điều 2. Mức chi hỗ trợ

1. Chi đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

a) Kinh phí hỗ trợ thực hiện Cuộc vận động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã là 20.000.000 đồng/năm/xã.

b) Đối với các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (và cập nhật theo quy định hiện hành nếu có) mức chi là 25.000.000 đồng/năm/xã.

2. Chi hỗ trợ đối với Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư

a) Khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân là 5.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

b) Khu dân cư có quy mô dân số từ 700 hộ dân trở lên cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư so với định mức quy định tại Điểm a khoản này.

c) Đối với các xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 900/QĐ-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ; xã thuộc địa bàn đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ (và cập nhật theo quy định hiện hành nếu có): Ngoài mức hỗ trợ theo quy định tại Điểm a, b khoản này thì được bố trí thêm 1.000.000 đồng/năm/khu dân cư.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Ngân sách tỉnh bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Mức chi hỗ trợ tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01/01/2019 và bãi bỏ định mức phân bổ kinh phí hỗ trợ Ban công tác mặt trận ở khu dân cư để thực

hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" quy định tại tiết 2, điểm b, khoản 2.5, mục 2, phần III, Chương II Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- ĐBQH, ĐB HĐND tỉnh;
- Các ban HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo, CV VP HĐND tỉnh
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Trung tâm Công báo tỉnh; Báo ĐBP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Lò Văn Muôn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07 /2018/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Quy định loại phương tiện, hình thức và mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 3521/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định loại phương tiện, hình thức và mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra số 79/BC-VH-XH ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định loại phương tiện, hình thức và mức hỗ trợ phương tiện nghe - xem thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách Nhà nước thực hiện Dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Đối tượng, điều kiện hỗ trợ

1. Đối tượng hỗ trợ

Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc các dân tộc ít người; hộ nghèo tại các xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn, trong đó ưu tiên:

- Hộ nghèo có ít nhất một thành viên đang hưởng chế độ trợ cấp hằng tháng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

- Hộ nghèo có ít nhất 02 thành viên trong hộ là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định của pháp luật hoặc là người dân tộc Phù Lá hiện đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Điều kiện hỗ trợ

- Hộ nghèo chưa có phương tiện nghe - xem, có nhu cầu và cam kết sử dụng đúng mục đích phương tiện được trang bị;

- Đối với hộ được hỗ trợ ti vi, địa bàn hộ gia đình sinh sống phải có điện sinh hoạt. Đối với hộ được hỗ trợ đài (radio), địa bàn sinh hoạt hoặc làm việc phải thu được sóng phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam hoặc Đài Phát thanh địa phương.

Điều 3. Loại phương tiện, hình thức và mức hỗ trợ

1. Loại phương tiện hỗ trợ

a) Loại phương tiện nghe - xem hỗ trợ là ti vi (bao gồm thiết bị thu truyền hình số mặt đất hoặc thiết bị thu truyền hình vệ tinh và phụ kiện lắp đặt) hoặc radio.

b) Đối với hộ nghèo thuộc dân tộc thiểu số rất ít người hoặc là người dân tộc Phù Lá hỗ trợ 01 ti vi hoặc 01 radio/hộ hoặc cả hai phương tiện; đối với các hộ nghèo khác hỗ trợ 01 ti vi hoặc 01 radio/hộ.

c) Yêu cầu về phương tiện nghe - xem

Yêu cầu về phương tiện nghe - xem được quy định tại các điểm a, b khoản 3 Điều 5 Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02/6/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện dự án Truyền thông và Giảm nghèo về thông tin thuộc chương trình Mục tiêu quốc gia giả nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

2. Hình thức và mức hỗ trợ

a) Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần, bằng hiện vật (Tivi hoặc radio).

b) Mức hỗ trợ

- Ti vi (bao gồm cả đầu thu, phụ kiện, lắp đặt): Tối đa 08 triệu đồng/01 bộ thiết bị.

- Radio: Tối đa 0,6 triệu đồng/01 thiết bị.

07

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp Chương trình Mục tiêu quốc gia);

- Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XIV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- ĐBQH, ĐB HĐND tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CV HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò văn Muôn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 106/NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 07 tháng 12 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT

Thành lập đoàn giám sát "Việc thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2014 - 2018"

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Thực hiện Nghị quyết số 86/NQ-HĐND, ngày 20 tháng 7 năm 2018 về Chương trình giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về "Việc thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2014 - 2018" (*có danh sách kèm theo*).

Mời đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; đại diện lãnh đạo các sở, ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài chính; Ban Dân tộc tỉnh tham gia Đoàn giám sát.

Điều 2. Ban hành kèm theo Nghị quyết này kế hoạch giám sát.

Điều 3. Đoàn giám sát có trách nhiệm thực hiện kế hoạch giám sát; báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp tháng 6/2019; báo cáo kết quả giám sát tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2019.

Điều 4. Giao Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì xây dựng đề cương, lịch giám sát, dự thảo báo cáo và Nghị quyết giám sát; phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh giúp Đoàn giám sát triển khai thực hiện nội dung, kế hoạch giám sát.

Văn phòng HĐND tỉnh tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát.

Điều 5. Đoàn giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh và các Sở, ngành; Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Điều 6. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Lãnh đạo, CV VPHĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Muôn

DANH SÁCH
ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
"Việc thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2014 - 2018"

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 106/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

I. THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Ông Lò Văn Muôn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh, Trưởng đoàn;

2. Bà Giàng Thị Hoa, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Trưởng đoàn;

3. Ông Lê Trọng Khôi, TUV, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Phó Trưởng đoàn;

4. Bà Vừ Thị Liên, Ủy viên Thường trực HĐND, Trưởng ban Dân tộc HĐND tỉnh, Phó Trưởng đoàn;

5. Ông Phạm Bá Lung, Ủy viên BTV Tỉnh ủy, Trưởng ban Nội chính Tỉnh ủy, Trưởng ban Pháp chế HĐND tỉnh, thành viên;

6. Ông Nhữ Văn Quảng, Ủy viên Thường trực HĐND, Trưởng ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, thành viên;

7. Ông Vùi Văn Nguyện, Ủy viên Thường trực HĐND, Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, thành viên;

8. Ông Lê Hoài Nam, Ủy viên Thường trực HĐND, Chánh Văn phòng HĐND tỉnh, thành viên;

9. Ông Hà Quốc Thịnh, Phó Trưởng ban Dân tộc HĐND tỉnh, thành viên;

10. Bà Đỗ Thị Luyến, Phó Trưởng ban Pháp chế HĐND tỉnh, thành viên;

11. Bà Lò Thị Bích, Phó Trưởng ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh, thành viên;

12. Ông Mùa Thanh Sơn, Phó Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, thành viên.

II. MỜI THAM GIA ĐOÀN GIÁM SÁT

1. Đại diện lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;

2. Đại diện lãnh đạo các Sở, ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh.

KẾ HOẠCH GIÁM SÁT
"Việc thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Điện Biên, giai đoạn 2014 - 2018"

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 106/NQ-HĐND, ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2014 - 2018.

- Đánh giá những kết quả làm được, chưa làm được, những hạn chế, yếu kém, khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; xác định nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém, vướng mắc và trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện.

- Thông qua giám sát, kiến nghị, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, khắc phục những yếu kém trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

- Nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành trong công tác quản lý Nhà nước đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

Hoạt động giám sát phải toàn diện, cụ thể, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả; nội dung giám sát tập trung vào các vấn đề trọng tâm, trọng điểm của việc thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát

Giám sát việc thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn toàn tỉnh, giai đoạn 2014 - 2018.

2. Đối tượng giám sát

UBND các cấp; các sở, ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Ban Dân tộc tỉnh, Tư pháp và một số đơn vị, tổ chức có liên quan.

III. NỘI DUNG GIÁM SÁT

1. Việc ban hành các văn bản và công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của UBND các cấp, các sở, ngành có liên quan trong triển khai thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

2. Trách nhiệm quản lý Nhà nước, việc phối hợp, tổ chức triển khai thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

3. Đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, yếu kém, vướng mắc, nguyên nhân; kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục những hạn chế, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách đối với dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

IV. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁM SÁT

1. Tháng 4 năm 2019

- Thu thập, nghiên cứu tài liệu, thông tin có liên quan phục vụ giám sát.

- Xây dựng và thông qua Đề cương giám sát trên cơ sở Nghị quyết và kế hạch giám sát của HĐND tỉnh; gửi đề cương, thông báo lịch giám sát và yêu cầu các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát.

2. Tháng 5 năm 2019

- Đôn đốc các cơ quan, đơn vị gửi báo cáo theo nội dung Đoàn giám sát yêu cầu.

- Tổ chức đoàn đi giám sát trực tiếp tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Đoàn giám sát làm việc với đại diện lãnh đạo UBND tỉnh, các Sở, ngành liên quan về nội dung, yêu cầu giám sát.

- Xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả giám sát.

- Xin ý kiến các thành viên trong Đoàn giám sát về dự thảo báo cáo, nghị quyết kết quả giám sát.

3. Tháng 6 năm 2019

- Trình Thường trực HĐND tỉnh cho ý kiến về dự thảo báo cáo, nghị quyết kết quả giám sát.

- Tiếp thu ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh hoàn chỉnh báo cáo, dự thảo nghị quyết về kết quả giám sát.

- Gửi báo cáo, dự thảo nghị quyết đến đại biểu HĐND tỉnh, trình HĐND tỉnh tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2019.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đoàn giám sát

- Ban hành đề cương, thông báo lịch giám sát đến các cơ quan, đơn vị chịu sự giám sát.

- Tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động giám sát.

- Xây dựng, hoàn thiện Báo cáo kết quả giám sát, trình Thường trực HĐND tỉnh xem xét, kết luận tại phiên họp Thường trực HĐND tháng 6/2019.

- Trình HĐND tỉnh Báo cáo và dự thảo Nghị quyết về kết quả giám sát tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2019.

2. Các cơ quan của HĐND tỉnh

2.1. Ban Dân tộc HĐND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Ban của HĐND, Văn phòng HĐND tỉnh giúp Đoàn giám sát triển khai nội dung, Kế hoạch giám sát.

- Tổ chức tham mưu, xây dựng và hoàn thiện đề cương, báo cáo kết quả giám sát, Nghị quyết kết quả giám sát trình Thường trực HĐND tỉnh.

2.2. Các Ban khác của HĐND tỉnh

Tham gia, phối hợp với Ban Dân tộc HĐND tỉnh triển khai, thực hiện nội dung, kế hoạch giám sát.

2.3. Văn phòng HĐND tỉnh

- Tiếp nhận các báo cáo, ý kiến, kiến nghị của các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Phối hợp với các Sở, ngành; Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

- Thực hiện công tác bảo đảm, tổ chức phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát.

3. UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị

3.1. UBND tỉnh

- Chỉ đạo các Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc đối tượng giám sát thực hiện các yêu cầu của Đoàn giám sát.

- Chuẩn bị các báo cáo theo đề cương của Đoàn giám sát; giải trình các vấn đề có liên quan với đoàn giám sát, HĐND, Thường trực HĐND tỉnh.

3.2. Các sở, ngành tỉnh, Thường trực HĐND, lãnh đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan

- Chuẩn bị nội dung báo cáo, bố trí thành phần, địa điểm, thời gian làm việc với Đoàn giám sát theo quy định; thực hiện các yêu cầu khác có liên quan đến hoạt động của Đoàn giám sát.

- Các sở, ngành: Lao động, Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Ban Dân tộc tỉnh cử lãnh đạo tham gia Đoàn giám sát để cung cấp thông tin, giải trình những vấn đề Đoàn giám sát yêu cầu.

- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố cử đại diện tham gia phối hợp với Đoàn khi tiến hành giám sát tại địa phương./.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 86 /NQ-HĐND	*Điện Biên, ngày 20 tháng 7 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Về Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ 8

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Trên cơ sở đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh tại Tờ trình số 89/TTr-HĐND ngày 04 tháng 5 năm 2018 về Chương trình giám sát của HĐND tỉnh năm 2019 và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hoạt động giám sát năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh

1. Hoạt động giám sát tại các kỳ họp thường lệ HĐND tỉnh

- Xem xét, đánh giá báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh; thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách Nhà nước trên địa bàn; kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành; công tác phòng, chống tham nhũng; việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri.

- Xem xét, thảo luận báo cáo công tác của Thường trực HĐND, UBND, các Ban HĐND, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Cục thi hành án dân sự tỉnh.

- Xem xét báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến các kỳ họp HĐND tỉnh.

- Xem xét báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát năm 2018 của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2019.

- Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn.

- Thực hiện các hoạt động giám sát khác theo quy định của pháp luật.

2. Giám sát chuyên đề

- Việc thực hiện chính sách pháp luật đối với công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2014 - 2018.

- Việc triển khai thực hiện quy định của pháp luật về đấu giá quyền sử dụng đất; thu, quản lý, sử dụng tiền đấu giá và thực hiện các dự án xây dựng cơ

sở hạ tầng có sử dụng quỹ đất để thanh toán cho nhà đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trên địa bàn tỉnh từ năm 2015 đến nay.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát của HĐND tỉnh năm 2019. Thường trực HĐND tỉnh chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động giám sát của các Ban HĐND tỉnh; chỉ đạo theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả giải quyết các kiến nghị sau giám sát; tổng hợp và báo cáo kết quả việc thực hiện chương trình giám sát tại kỳ họp thường lệ năm 2020; đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động giám sát.

2. Các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm phối hợp với các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh trong hoạt động giám sát; báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác những thông tin, tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của cơ quan tiến hành giám sát. Các cơ quan chịu sự giám sát thực hiện đầy đủ, kịp thời, nghiêm túc những kiến nghị sau giám sát, báo cáo kết quả thực hiện về Thường trực HĐND tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khoá XIV, kỳ họp thứ 8, thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Lò Văn Muôn

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ VN tỉnh Điện Biên;
- Đại biểu QH, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP HĐND tỉnh;
- Cổng TTĐT Đoàn ĐBQH &HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 1208 /QĐ-UBND	*Điện Biên, ngày 24 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn tổ chức, lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên về việc thông qua dự án rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

2. Phạm vi rà soát, điều chỉnh quy hoạch: Trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ

3.1. Mục tiêu

- Rà soát điều chỉnh lại quy mô đất lâm nghiệp và cơ cấu các loại rừng cho phù hợp với tình hình thực tế; trên cơ sở đó xác định, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng một cách hợp lý, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, khắc phục những bất cập phát sinh trong quá trình sử dụng 3 loại rừng hiện tại.

- Gắn quy hoạch 3 loại rừng với việc đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành lâm nghiệp, từng bước nâng cao độ che phủ rừng, phấn đấu đạt 45% vào năm 2025 và 48% vào năm 2030, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

3.2. Nhiệm vụ

- Rà soát các loại đất, loại rừng trong quy hoạch 3 loại rừng gắn với rà soát, điều chỉnh đất, rừng phòng hộ đầu nguồn ít xung yếu sang quy hoạch phát triển rừng sản xuất.

- Xác định cơ cấu diện tích đất quy hoạch cho lâm nghiệp; cơ cấu diện tích quy hoạch cụ thể theo 3 loại rừng: Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất.

- Khảo sát toàn bộ diện tích đất đang sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp, những diện tích đất khác, xác định cụ thể những diện tích phải đưa ra khỏi quy hoạch 3 loại rừng.

- Khảo sát, kiểm chứng giữa hồ sơ và thực tế những diện tích đất có rừng ngoài lâm nghiệp (gồm rừng tự nhiên, rừng trồng); những diện tích cần hoặc chưa sử dụng, chuyển trở lại đất lâm nghiệp để quản lý, bảo vệ, phát triển rừng.

- Quy hoạch diện tích 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh cụ thể đến từng tiểu khu, xã, huyện, chủ quản lý rừng và tổng hợp toàn tỉnh.

4. Nội dung rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

4.1. Quy mô 3 loại rừng sau rà soát, điều chỉnh

Tổng diện tích quy hoạch 3 loại rừng toàn tỉnh sau rà soát, điều chỉnh là 694.753 ha, chiếm 72,8% diện tích tự nhiên toàn tỉnh (trong đó: Đất có rừng 371.908,78 ha, đất chưa có rừng 322.844,22 ha), đáp ứng chỉ tiêu phân bổ diện tích đất lâm nghiệp tại Nghị quyết số 78/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Điện Biên, cụ thể:

a) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng đặc dụng: Diện tích quy hoạch rừng đặc dụng 51.664,55 ha (trong đó: Đất có rừng 35.854,61 ha, chiếm 69,4%; đất chưa có rừng 15.809,94 ha, chiếm 30,6%).

So với quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích quy hoạch rừng đặc dụng sau rà soát, điều chỉnh giảm 66.540,58 ha, do:

- Chuyển sang cho các chức năng khác là 66.787,81 ha (giảm), cụ thể:

+ Từ rừng đặc dụng chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất 2.744,46 ha (trong đó: Đất có rừng là 1.422,29 ha, đất chưa có rừng là 1.322,17 ha).

+ Từ rừng đặc dụng chuyển sang quy hoạch rừng phòng hộ 60.543,61 ha (trong đó: Đất có rừng là 39.751,83 ha, đất chưa có rừng là 20.791,78 ha).

+ Từ rừng đặc dụng chuyển sang mục đích sử dụng khác (ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng) 3.499,74 ha.

- Điều chỉnh tăng diện tích rừng đặc dụng 247,23 ha (từ 179,85 ha đất ngoài quy hoạch 3 loại rừng và 67,38 ha rừng sản xuất).

b) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng phòng hộ: Diện tích quy hoạch rừng phòng hộ sau rà soát, điều chỉnh là 416.163,45 ha (trong đó: Đất có rừng là 226.258 ha, chiếm 54,37%; đất chưa có rừng 189.905,45 ha, chiếm 45,63%).

So với quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích quy hoạch rừng phòng hộ sau rà soát, điều chỉnh tăng lên 46.039,15 ha, do:

- Chuyển sang cho các chức năng khác là 91.908,41 ha (giảm), cụ thể:

+ Từ rừng phòng hộ chuyển sang rừng sản xuất 27.600,92 ha (trong đó: Đất có rừng là 11.505,54 ha, đất chưa có rừng là 16.095,38 ha).

+ Từ rừng phòng hộ chuyển ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng là 64.307,49 ha (trong đó: Đất có rừng là 423,19 ha, đất chưa có rừng là 63.884,3 ha).

- Điều chỉnh tăng diện tích rừng phòng hộ là 137.947,56 ha, cụ thể:

+ Từ rừng đặc dụng chuyển sang quy hoạch rừng phòng hộ 60.543,61 ha (trong đó: Đất có rừng là 39.751,83 ha, đất chưa có rừng là 20.791,78 ha).

+ Từ rừng sản xuất chuyển sang quy hoạch rừng phòng hộ 41.036,59 ha (trong đó: Đất có rừng là 20.593,48 ha, đất chưa có rừng là 20.443,11 ha).

+ Từ ngoài quy hoạch 3 loại rừng trước đây chuyển sang quy hoạch rừng phòng hộ 36.367,36 ha (trong đó: Đất có rừng là 18.833,79 ha, đất chưa có rừng là 17.533,57 ha).

c) Rà soát, điều chỉnh quy hoạch rừng sản xuất: Diện tích quy hoạch rừng sản xuất sau rà soát, điều chỉnh là 226.925 ha (trong đó: Đất có rừng là 109.796,17 ha, chiếm 48,4%, đất chưa có rừng 117.128,83 ha, chiếm 51,6%).

So với quy hoạch đã được phê duyệt, diện tích quy hoạch rừng sản xuất sau rà soát, điều chỉnh giảm 61.491,57 ha, do:

- Chuyển sang cho các chức năng khác là 121.935,02 ha (giảm), cụ thể:

+ Từ rừng sản xuất điều chuyển sang quy hoạch rừng đặc dụng là 67,38 ha.

+ Từ rừng sản xuất điều chuyển sang quy hoạch rừng phòng hộ là 41.036,59 ha.

+ Từ rừng sản xuất điều chuyển ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng là 80.831,05 ha.

- Điều chỉnh đưa vào rừng sản xuất (tăng) là 60.443,45, bao gồm:

+ Từ rừng phòng hộ chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất 27.600,92 ha.

+ Từ rừng đặc dụng chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất 2.744,46 ha.

+ Từ ngoài quy hoạch 3 loại rừng trước đây chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất 30.098,07 ha (trong đó rừng tự nhiên 15.431,03 ha; 1.758,79 ha rừng trồng; 12.908,25 ha đất trống).

4.3. Danh mục các chương trình, dự án ưu tiên

- Dự án phân định ranh giới, cắm mốc 3 loại rừng tỉnh Điện Biên.
- Hoàn thiện giao rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng.
- 10 dự án bảo vệ và phát triển rừng cấp huyện.
- Dự án trồng cây phân tán.
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy tỉnh Điện Biên giai đoạn 2016-2020.
- Dự án cơ sở hạ tầng các khu bảo tồn tỉnh Điện Biên.
- Dự án rà soát, điều chỉnh chi tiết khu rừng DTLS và CQMT Mường Phăng - Pá Khoang, huyện Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Dự án rà soát, điều chỉnh chi tiết khu Bảo tồn thiên nhiên Mường Nhé, huyện Mường Nhé đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
- Dự án bảo tồn và phát triển lâm sản ngoài gỗ tỉnh Điện Biên.
- Dự án phát triển giống cây trồng lâm nghiệp.
- Chi trả dịch vụ môi trường rừng.

4.4. Nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, nguồn vốn chi trả dịch vụ môi trường rừng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

5. Các giải pháp thực hiện

5.1. Giải pháp về tổ chức, quản lý quy hoạch

a) Tổ chức quản lý

- Triển khai có hiệu quả kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 được phê duyệt; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch; nâng cao vai trò quản lý nhà nước về lâm nghiệp ở cấp huyện, cấp xã theo phân cấp tại Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện sắp xếp, đổi mới nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước về lâm nghiệp; các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn.

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả 11 chương trình, dự án trong danh mục chương trình, dự án ưu tiên.

b) Chuyển đổi, bàn giao rừng

Thực hiện việc chuyển đổi, bàn giao rừng thông qua xây dựng, trình phê duyệt phương án chuyển đổi rừng theo quy định tại Thông tư số 24/2009/TT-BNN ngày 05/5/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5.2. Về Khoa học và Công nghệ

Tiếp tục đẩy mạnh triển khai các giải pháp về khoa học, công nghệ trong các lĩnh vực: Giống cây trồng lâm nghiệp, biện pháp kỹ thuật trong trồng, chăm sóc rừng, nâng cao chất lượng rừng, phục hồi rừng tự nhiên, quản lý rừng bền vững; công nghệ chế biến gỗ và ứng dụng công nghệ thông tin viễn thám trong quản lý bảo vệ, phòng cháy chữa cháy, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng,...

5.3. Giải pháp về chính sách

Tiếp tục thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho các tổ chức, hộ gia đình cá nhân để sử dụng lâu dài, ổn định vào mục đích lâm nghiệp. Triển khai thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng.

5.4. Giải pháp về vốn, nguồn vốn

Sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn vốn từ chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng, nguồn hỗ trợ theo các chính sách hiện hành, nguồn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế như JICA...; thực hiện hiệu quả chủ trương xã hội hóa lâm nghiệp, huy động, lồng ghép các nguồn vốn hợp pháp khác từ các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để tăng cường hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trong đó, chú trọng tăng cường kêu gọi, thu hút các thành phần kinh tế, tổ chức, doanh nghiệp, người dân tham gia đầu tư trồng rừng kinh tế, phát triển lâm sản ngoài gỗ,...

Ưu tiên bố trí, sử dụng nguồn vốn từ 10% chi phí quản lý chi trả dịch vụ môi trường rừng, nguồn ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai dự án phân định ranh giới, cắm mốc 3 loại rừng tỉnh Điện Biên, làm cơ sở để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy hoạch.

Tổng nhu cầu vốn thực hiện quy hoạch 3 loại rừng là 4.830.656 triệu đồng; trong đó:

- Giai đoạn đến năm 2025: 3.224.663 triệu đồng.

- Giai đoạn đến năm 2026-2030: 1.605.993 triệu đồng.

Phân theo nguồn vốn:

- Nguồn ngân sách Trung ương: 1.333.289 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác (doanh nghiệp, dân đóng góp, ODA,...): 351.954 triệu đồng.

- Nguồn tài chính Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng: 3.145.413 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tổ chức công bố, bàn giao kết quả quy hoạch cho các địa phương, đơn vị liên quan. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính tiếp tục tham mưu thực hiện giao đất lâm nghiệp có rừng và đất chưa có rừng. Hướng dẫn các địa phương, đơn vị liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình/dự án, kế hoạch thực hiện bảo vệ và phát triển rừng hàng năm. Thực hiện nhiệm vụ theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp. Tổng hợp, theo dõi, báo

cáo kết quả cũng như tham mưu xử lý những vướng mắc phát sinh liên quan. Tăng cường kiểm tra, giám sát các địa phương, đơn vị chủ rừng trong việc thực hiện quy hoạch, các chương trình, dự án, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan xây dựng phương án chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị thực hiện các nội dung điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng theo quy định hiện hành.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Quản lý, kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất lâm nghiệp của các địa phương, cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy hoạch này. Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính tiếp tục tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện giao đất lâm nghiệp có rừng và đất lâm nghiệp chưa có rừng gắn với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc xây dựng phương án chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp. Tham mưu cho UBND tỉnh trong việc điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức nhà nước trong trường hợp có sự thay đổi về quy mô quản lý đất lâm nghiệp.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc lập kế hoạch và bố trí kinh phí từ nguồn vốn đầu tư cho việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch nhằm triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch 3 loại rừng được phê duyệt. Kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng, phát triển rừng, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, cây lâm sản ngoài gỗ,...

4. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu cho UBND tỉnh phân bổ nguồn vốn sự nghiệp về lâm nghiệp do Trung ương cấp; cân đối, tham mưu cho UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương hỗ trợ việc tổ chức thực hiện Quy hoạch, bố trí cho UBND các huyện, thị xã, thành phố hoàn thiện giao đất lâm nghiệp có rừng và đất chưa có rừng gắn với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng phương án chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sau quy hoạch.

5. UBND các huyện, thành phố, thị xã

- Tiếp nhận kết quả, sản phẩm của quy hoạch; tổ chức công bố công khai và chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả quy hoạch trên địa bàn quản lý. Chỉ đạo các phòng chuyên môn tăng cường nhiệm vụ quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp theo quy định. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản

lý, sử dụng đất lâm nghiệp của các địa phương, cơ quan, đơn vị, các chủ rừng trên địa bàn đảm bảo theo quy hoạch, đúng quy định. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng phương án chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sau quy hoạch đối với diện tích thuộc địa bàn quản lý.

- Tiếp tục chỉ đạo các phòng, đơn vị chuyên môn thực hiện công tác giao đất, giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng đối với diện tích rừng chưa giao và diện tích đất lâm nghiệp có rừng theo chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của các Sở, ngành liên quan.

- Tổ chức quản lý, triển khai thực hiện các chương trình, dự án, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn hàng năm đảm bảo tiến độ, chất lượng theo dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Lồng ghép hiệu quả các nội dung bảo vệ và phát triển rừng theo Quy hoạch 3 loại rừng với các chương trình mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và các chương trình, dự án khác liên quan về phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND cấp xã, các chủ rừng trên địa bàn xây dựng phương án quản lý rừng bền vững; tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng hàng năm đảm bảo tiến độ, chất lượng theo kế hoạch được phân bổ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 76/QĐ-UBND ngày 14/01/2008, Quyết định số 262/QĐ-UBND ngày 08/3/2010, Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 16/9/2013 của UBND tỉnh Điện Biên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- L/đ UBND tỉnh;
- L/đ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN(TVH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lò Văn Tiến

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /KH-UBND	*Nậm Pồ, ngày tháng 12 năm 2018*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 938/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027" trên địa bàn huyện Nậm Pồ

Căn cứ Kế hoạch số 1113/KH-UBND, ngày 4/5/2018 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Điện Biên về thực hiện Quyết định số 938/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027" trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027" trên địa bàn huyện Nậm Pồ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Huy động sự tham gia của các phòng, ban, đoàn thể huyện trong thực hiện công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ. Phát huy nội lực, tính chủ động của phụ nữ tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ.

Việc triển khai thực hiện Đề án phù hợp với tình hình và điều kiện thực tế của huyện, nhằm hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội có liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, ổn định tình hình trật tự, an toàn xã hội trong các lĩnh vực có liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái.

2. Yêu cầu

Việc triển khai thực hiện Đề án được dựa trên quan điểm lấy phụ nữ làm trung tâm vừa là chủ thể hành động, vừa là đối tượng thụ hưởng và phải gắn với nhu cầu của phụ nữ, đảm bảo giải quyết được một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ, được thực hiện đúng nội dung, đúng tiến độ được phê duyệt.

Hoạt động của Đề án phải đảm bảo tính đồng bộ, xuyên suốt các vấn đề, hoạt động tuyên truyền giáo dục đạo đức, pháp luật, kiến thức, kỹ năng thực hành gắn với nhu cầu mong muốn của phụ nữ, tạo được sức lan tỏa lớn, chuyển biến rõ nét đối với việc phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội có liên quan.

Tăng cường công tác phối kết hợp nhằm phát huy thế mạnh của các phòng, ban, đoàn thể trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ của Đề án.

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH

1. Mục tiêu chung

Nâng cao kiến thức, kỹ năng, thực hành của phụ nữ, phát huy vai trò chủ động của phụ nữ trong ứng phó và tham gia giải quyết có hiệu quả một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ nhằm giảm thiểu những tác động tiêu cực, nâng cao chất lượng cuộc sống của phụ nữ, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội huyện.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Mục tiêu giai đoạn 2019-2022

- Phấn đấu 6.373 hội viên, phụ nữ, cha mẹ có con dưới 16 tuổi được cung cấp thông tin, kiến thức về giữ gìn, rèn luyện phẩm chất đạo đức và ý thức chấp hành pháp luật; về giáo dục làm cha mẹ; khả năng, vai trò của phụ nữ trong sản xuất, chế biến, tiêu dùng thực phẩm đảm bảo an toàn; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới.

- 80% cán bộ chuyên trách của các cơ quan tham gia triển khai Đề án được bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về các nội dung của đề án nhằm hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội.

- Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ được 30 phụ nữ thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng, có nguy cơ vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật trong các vấn đề xã hội nổi cộm được lựa chọn tác động có chuyển biến tích cực về hành vi, góp phần tăng số phụ nữ chấp hành pháp luật và giảm số phụ nữ vi phạm pháp luật.

- Ít nhất 2.600 phụ nữ được cung cấp kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực giới, bạo lực gia đình sẵn sàng lên tiếng trước các hành vi bạo lực.

- 100% các cấp Hội lên tiếng kịp thời nhằm hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng là phụ nữ và trẻ em trong các vụ việc mua bán, xâm hại, bạo lực nghiêm trọng xảy ra với phụ nữ và trẻ em (nếu có) trên địa bàn huyện.

- Mỗi xã xây dựng được ít nhất 01 mô hình vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giám sát giải quyết một số vấn đề xã hội trên địa bàn.

2.2. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2027

- Phấn đấu 14.936 hội viên, phụ nữ, cha mẹ có con dưới 16 tuổi được cung cấp thông tin, kiến thức về sự cần thiết phải giữ gìn và rèn luyện phẩm chất đạo đức, ý thức chấp hành pháp luật; về khả năng, vai trò của phụ nữ trong sản xuất, chế biến, tiêu dùng thực phẩm đảm bảo an toàn; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, trong đó 60% thực hiện chuyển đổi hành vi.

- 100% cán bộ chuyên trách của các cơ quan tham gia triển khai đề án được bồi dưỡng nâng cao năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về các nội dung của đề án nhằm hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội ưu tiên theo chức năng, nhiệm vụ.

- Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ được 40 phụ nữ thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng, có nguy cơ vi phạm đạo đức, vi phạm pháp luật trong các vấn đề xã

hội nồi cộm được lựa chọn tác động có chuyển biến tích cực về hành vi, góp phần tăng số phụ nữ chấp hành pháp luật và giảm số phụ nữ vi phạm pháp luật.

- 7.468 phụ nữ được cung cấp kiến thức, kỹ năng phòng chống bạo lực giới, bạo lực gia đình sẵn sàng lên tiếng trước các hành vi bạo lực.

- 100% các cấp Hội lên tiếng kịp thời nhằm hỗ trợ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đối tượng là phụ nữ và trẻ em trong các vụ việc mua bán, xâm hại, bạo lực nghiêm trọng xảy ra với phụ nữ và trẻ em (nếu có) trên địa bàn huyện.

- Các mô hình hiệu quả về vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giám sát giải quyết một số vấn đề xã hội trên địa bàn được duy trì và nhân rộng, làm cơ sở để đề xuất ban hành chính sách.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ NỘI DUNG CAN THIỆP

1. Đối tượng của Đề án

- Phụ nữ;

- Cha mẹ có con dưới 16 tuổi;

- Cán bộ Hội LHPN và các phòng, ban triển khai kế hoạch các cấp.

Trong đó chú trọng các nhóm phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ nghèo, nữ sinh viên, học sinh nữ tuổi vị thành niên...ở địa bàn trọng điểm của các vấn đề xã hội cần được ưu tiên giải quyết.

2. Phạm vi thực hiện

- Kế hoạch thực hiện Đề án được triển khai trên toàn huyện từ năm 2018; khuyến khích Hội LHPN cơ sở chọn điểm chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ của Đề án. Hội LHPN huyện chọn 01 xã chỉ đạo điểm.

- Hội LHPN các cấp quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện tại các địa bàn:

+ Có điều kiện kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn.

+ Là điểm nóng đối với các vấn đề cần tập trung can thiệp hoặc những vấn đề xã hội khác có liên quan đến phụ nữ.

3. Nội dung can thiệp

- Đề án tập trung vào các vấn đề:

+ Bạo lực gia đình/bạo lực trên cơ sở giới (bao gồm cả nội dung mất cân bằng giới tính khi sinh).

+ An toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Giáo dục cha mẹ trong chăm sóc, bảo vệ trẻ em (bao gồm cả phòng chống bạo lực, xâm hại trẻ em, đặc biệt là xâm hại tình dục trẻ em).

- Ngoài nội dung trên, huyện xác định một số vấn đề xã hội cần tập trung tuyên truyền như: Tảo hôn, hôn nhân cận huyết, Giáo dục giới tính, phòng chống bạo lực học đường.

4. Thời gian, lộ trình thực hiện

Kế hoạch thực hiện Đề án được triển khai trong 09 năm, từ năm 2019 đến năm 2027, được chia thành 2 giai đoạn như sau:

- *Giai đoạn 1 (2019-2022):* Phối hợp với các phòng, ban chức năng tập trung vào các hoạt động đẩy mạnh, nâng cao chất lượng truyền thông, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao nhận thức, kiến thức, kỹ năng về các nội dung thuộc phạm vi của Kế hoạch; xây dựng mô hình, điển hình trong việc tham gia giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ.

- *Giai đoạn 2(2023 -2027):* Tập trung các hoạt động hỗ trợ phụ nữ chuyển đổi hành vi thông qua các mô hình, điển hình đã được xây dựng giai đoạn trước; phát huy tính chủ động của phụ nữ trong giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan; nghiên cứu, đề xuất chính sách.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động phụ nữ giữ gìn, rèn luyện đạo đức, ý thức pháp luật, chủ động tham gia giải quyết hiệu quả một số vấn đề xã hội có liên quan đến phụ nữ

- Xây dựng các nội dung truyền thông đa dạng, phù hợp với từng đối tượng phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội, gồm: Giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật, giáo dục làm cha mẹ, đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống bạo lực giới/bạo lực gia đình.

- Tổ chức các hoạt động truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng và theo phạm vi can thiệp của Đề án.

+ Tổ chức các sự kiện truyền thông giáo dục; vận động, thu hút sự tham gia của người có uy tín trong cộng đồng để tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ.

+ Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng phóng sự ngắn phát trên Đài TT-TH huyện; Trang thông tin điện tử của UBND huyện; hệ thống loa truyền thanh các bản về nội dung can thiệp của Đề án, về sự tham gia của phụ nữ trong giải quyết một số vấn đề xã hội.

+ Tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ nâng cao nhận thức và trách nhiệm của phụ nữ, cha mẹ có con dưới 16 tuổi, nam, nữ thanh niên... trong việc giữ gìn, rèn luyện phẩm chất đạo đức "Tự tin, Tự trọng, Trung hậu, Đảm đang"; ý thức chấp hành pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình, vệ sinh an toàn thực phẩm; tổ chức cuộc sống gia đình, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc, giáo dục, bảo vệ trẻ em...

- Xây dựng và phát huy mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên, tư vấn viên là cán bộ cấp cơ sở trong công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ chuyển đổi hành vi.

- Truyền thông, nhân rộng các gương điển hình tiêu biểu, cách làm hiệu quả hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ.

2. Xây dựng, duy trì và nâng cao hiệu quả các mô hình vận động, hỗ trợ phụ nữ chủ động giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ

- Rà soát, đánh giá các mô hình hiện có, xây dựng và phát triển các mô hình mới phù hợp nhằm hỗ trợ nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi cho phụ nữ, cha mẹ có con dưới 16 tuổi... như câu lạc bộ "Gia đình hạnh phúc"; "Phụ nữ Tự tin - Tự trọng - Trung hậu - Đảm đang"; các mô hình "Sản xuất rau an toàn"; "Trường học thân thiện"...

- Chú trọng nắm tình hình phụ nữ, trẻ em gái bị bạo lực giới, bạo lực gia đình thông qua mạng lưới cán bộ, hội viên, các đoàn thể và các phòng, ban liên quan. Triển khai các hoạt động tư vấn, hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực gia đình tại cộng đồng; hoạt động tuyên truyền, giáo dục phòng chống bạo lực trên cơ sở giới. Nâng cao hiệu quả mô hình địa chỉ tin cậy tại cộng đồng để bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình tại địa phương.

- Tổ chức các cuộc hội thảo chia sẻ kinh nghiệm, các hoạt động tham quan, học tập mô hình hiệu quả về sự tham gia của phụ nữ trong giải quyết một số vấn đề xã hội trong và ngoài địa bàn.

3. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ giải quyết một số vấn đề xã hội có liên quan

- Tổ chức tập huấn cung cấp kiến thức, kỹ năng truyền thông các nội dung của Đề án cho đội ngũ tuyên truyền viên của Hội LHPN và các cơ quan tham gia triển khai Đề án từ huyện đến cơ sở để chuyển tải có hiệu quả các thông điệp truyền thông đến các nhóm đối tượng khác nhau, từng bước thay đổi nhận thức đến thay đổi hành vi của họ.

- Biên soạn các tài liệu để triển khai thực hiện các nội dung của Đề án: Tài liệu dành cho giảng viên, tuyên truyền viên; tài liệu hướng dẫn triển khai các mô hình truyền thông, vận động phụ nữ rèn luyện phẩm chất đạo đức, giáo dục ý thức pháp luật, giáo dục làm cha mẹ, tham gia giải quyết các vấn đề: bạo lực gia đình, mất cân bằng giới tính khi sinh, an toàn thực phẩm, phòng chống bạo lực học đường...

- Phát huy vai trò của mạng lưới cộng tác viên, tuyên truyền viên, tư vấn viên trong chuyển tải các nội dung của Đề án tại cơ sở.

4. Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết hiệu quả một số vấn đề xã hội; nghiên cứu, đề xuất chính sách; giám sát việc thực thi pháp luật về các chủ đề của Đề án

- Tăng cường công tác phối kết hợp nhằm tạo nguồn lực, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các hoạt động của Đề án theo từng giai đoạn, đảm bảo đạt các chỉ tiêu đã đề ra.

- Phát huy vai trò của từng tổ chức, cá nhân, đặc biệt là phụ nữ trong giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến các nội dung của Đề án.

5. Quản lý, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Đề án

- Xây dựng mẫu và biểu mẫu báo cáo; quy định chế độ báo cáo định kỳ.

- Hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả tổ chức thực hiện Đề án trong toàn huyện.

- Tổ chức sơ kết giai đoạn 1 và tổng kết giai đoạn 2 việc thực hiện Đề án nhằm đánh giá hiệu quả tác động, mức độ chuyển biến nhận thức, thay đổi hành vi của các nhóm đối tượng phụ nữ.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định, lồng ghép với các chương trình, đề án có liên quan đang triển khai trên địa bàn huyện và các nguồn huy động hợp pháp khác.

2. Biểu dự toán kinh phí thực hiện Đề án là 494.000.000đ, *trong đó:*

- Giai đoạn 1: 251.000.000 đồng.

- Giai đoạn 2: 243.000.000 đồng.

(Có biểu dự toán kinh phí thực hiện Đề án kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện

- Là cơ quan chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã tham mưu tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch; hàng năm tổng hợp xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND huyện.

- Lồng ghép việc triển khai thực hiện Kế hoạch với các chương trình, đề án, hoạt động đang được các cấp Hội triển khai.

- Hướng dẫn xây dựng các mô hình, câu lạc bộ nhằm tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ hội viên phụ nữ nâng cao kiến thức, kỹ năng về các nội dung thuộc phạm vi thực hiện của Kế hoạch.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức giám sát việc thực thi pháp luật về các chủ đề của Đề án.

- Kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện Kế hoạch; định kỳ tham mưu tổ chức sơ kết, tổng kết và báo cáo việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Tài chính kế hoạch huyện

- Căn cứ vào khả năng ngân sách huyện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch hàng năm. Hướng dẫn các đơn vị sử dụng, quản lý, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định.

- Phối hợp triển khai các nội dung của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của ngành.

3. Phòng GD&ĐT huyện

- Tổ chức triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của phòng trong việc thực hiện Đề án "*Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho thanh thiếu niên và nhi đồng giai đoạn 2015-2020*".

- Tiếp tục đổi mới phương pháp và hình thức giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh; quan tâm chỉ đạo các phong trào thi đua, các cuộc

vận động do ngành phát động trong các cơ sở giáo dục, đào tạo; xây dựng các mô hình trường học thân thiện.

- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhà giáo, cộng tác viên phụ trách công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống.

- Phối hợp với Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho học sinh trong nhà trường.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ của phòng.

4. Phòng Văn hoá - Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí, phát thanh truyền hình, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn huyện, đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xây dựng và rèn luyện phẩm chất đạo đức trong thanh, thiếu niên; vai trò của phụ nữ trong gìn giữ, giáo dục truyền thống đạo đức tốt đẹp trong gia đình; lên án những hành vi xâm hại phụ nữ, trẻ em.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung của Kế hoạch cùng với việc thực hiện chiến lược phát triển Gia đình Việt Nam trên địa bàn huyện và các chương trình, đề án: Đề án "*Đẩy mạnh công tác xây dựng đạo đức, lối sống con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*"; Đề án "*Phát huy giá trị tốt đẹp các mối quan hệ trong gia đình và hỗ trợ xây dựng gia đình hạnh phúc*"; Chương trình giáo dục đời sống gia đình đến 2020; Chương trình hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình đến năm 2020 trên địa bàn huyện.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của phòng: xây dựng mô hình phòng chống bạo lực gia đình, mô hình gia đình hạnh phúc và xây dựng địa chỉ tin cậy tại cộng đồng...

5. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bình đẳng giới; nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác bình đẳng giới; Vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Phối hợp với Hội LHPN huyện và các phòng, ban liên quan xây dựng tài liệu truyền thông liên quan đến bạo lực, xâm hại trẻ em; tư vấn hỗ trợ phụ nữ tham gia bảo vệ trẻ em tại cộng đồng.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung của Kế hoạch cùng với việc thực hiện Đề án Phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của phòng.

6. Phòng Y tế huyện

- Tăng cường quản lý nhà nước về kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh; Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung của Kế hoạch cùng với việc thực hiện Chiến lược Dân số và Sức khoẻ sinh sản giai đoạn 2011-2020, đề án "*Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2016 - 2025*"; đảm bảo an toàn thực phẩm,

Chiến lược quốc gia An toàn thực phẩm giai đoạn 2011- 2020.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của phòng.

7. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

- Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; hỗ trợ cho phụ nữ về kiến thức, kỹ năng sản xuất, kinh doanh; giám sát hoạt động sản xuất nông sản đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của phòng.

8. Phòng Tư pháp

- Chỉ đạo, hướng dẫn về nội dung phổ biến giáo dục pháp luật, hình thức phổ biến giáo dục pháp luật.

- Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật cấp huyện; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật ở cơ sở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật cho phụ nữ, hòa giải cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật.

- Phối hợp biên soạn các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tài liệu truyền thông về trợ giúp pháp lý cấp phát miễn phí cho các nhóm đối tượng liên quan.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của phòng.

9. Công an huyện

- Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi bạo lực gia đình; tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp chỉ đạo và phối hợp lực lượng chức năng chủ động phòng ngừa, đấu tranh hiệu quả với tội phạm mua bán người, nhất là mua bán phụ nữ và trẻ em.

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của Kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của ngành.

10. Phòng Dân tộc huyện

- Triển khai lồng ghép các nội dung của Kế hoạch cùng với việc thực hiện Đề án "Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2015-2020"

- Phối hợp triển khai các nội dung khác của kế hoạch theo chức năng nhiệm vụ của phòng

11. Các phòng liên quan

Các phòng liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

12. Đề nghị Ủy ban MTTQ huyện và các tổ chức thành viên

Trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai lồng ghép các nội dung của Kế hoạch trong các Chương trình, Đề án liên quan.

- Liên đoàn Lao động huyện: Tuyên truyền, vận động đoàn viên hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan; phối hợp với Hội LHPN huyện tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho nữ công nhân lao động trong các doanh nghiệp...

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh huyện: Phối hợp với các phòng, ban liên quan tuyên truyền, vận động đoàn viên hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan; phối hợp với phòng Giáo dục và đào tạo tổ chức tuyên truyền, giáo dục phẩm chất đạo đức, ý thức chấp hành pháp luật cho thanh thiếu niên.

13. Ủy ban nhân dân các xã

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn, đoàn thể triển khai thực hiện Kế hoạch theo quy định.

- Bố trí ngân sách hàng năm để thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

14. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng năm (**trước 10/11**), các phòng, ban, đoàn thể, UBND các xã báo cáo kết quả chỉ đạo, triển khai thực hiện gửi về cơ quan chủ trì (Hội LHPN huyện) để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Hội LHPN tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Quyết định số 938/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Tuyên truyền, giáo dục, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027" trên địa bàn huyện Nậm Pồ. Yêu cầu Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, chủ tịch UBND các xã chỉ đạo triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh; (b/c)
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- LĐ. UBND huyện;
- UB MTTQ và các Đoàn thể huyện;
- Các phòng: TC-KH, VH&TT, LĐ-TB&XH, KT&HT huyện.
- Ngân hàng CSXH huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN

Đề án "tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề liên quan đến phụ nữ giai đoạn 2017-2027 trên địa bàn huyện Nậm Pồ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

ĐVT: triệu đồng

Stt	Nội dung	Kinh phí	Chi tiết tổng kinh phí theo năm										
		Tổng	Giai đoạn 2019-2022					Giai đoạn 2023 - 2027					
			Tổng giai đoạn 2019-2022	2019	2020	2021	2022	Tổng giai đoạn 2023-2027	2023	2024	2025	2026	2027
1	*2*	*(3=4+9)*	*(4=5+6+7+8)*	*5*	*6*	*7*	*8*	*(9=10+11+12+13+14)*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**Nhiệm vụ 1: Nâng cao chất lượng hoạt động truyền thông, giáo dục, vận động hỗ trợ phụ nữ giữ gìn, rèn luyện đạo đức, ý thức pháp luật, chủ động tham gia giải quyết hiệu quả một số vấn đề xã hội có liên quan đến phụ nữ**	**129**	**59**	**11**	**11**	**11**	**26**	**70**	**11**	**11**	**11**	**11**	**26**
1.1	Tổ chức các hoạt động truyền thông tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống; phổ biến giáo dục pháp luật; phổ biến kiến thức giáo dục chuyển đổi hành vi của từng chuyên đề.	90	40	*10*	10	10	10	50	*10*	10	10	10	10
1.2	Xây dựng chuyên mục trên Đài truyền thanh- truyền hình huyện	9	4	*1*	1	1	1	5	*1*	1	1	1	1

Stt	Nội dung	Kinh phí	Chi tiết tổng kinh phí theo năm										
			Giai đoạn 2019-2022					Giai đoạn 2023 - 2027					
		Tổng	Tổng giai đoạn 2019-2022	2019	2020	2021	2022	Tổng giai đoạn 2023-2027	2023	2024	2025	2026	2027
1	*2*	*(3=4+9)*	*(4=5+6+7+8)*	*5*	*6*	*7*	*8*	*(9=10+11+12+13+14)*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1.3	Tổ chức Hội nghị biểu dương khen thưởng phụ nữ tiêu biểu tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến phụ nữ	**30**	**15**				15	**15**					15
II	**Xây dựng, duy trì và nâng cao hiệu quả các mô hình vận động, hỗ trợ, phụ nữ chủ động giải quyết các vấn đề liên quan đến phụ nữ**	**110**	**50**	**15**	**10**	**15**	**10**	**60**	**15**	**10**	**10**	**15**	**10**
2.1	xây dựng, nhân rộng, nâng cao các hoạt động mô hình an toàn thực phẩm; tổ phụ nữ liên kết ...nhằm thay đổi hành vi cho phụ nữ sản xuất, kinh doanh, chế biến sản phẩm nông nghiệp an toàn	**90**	**40**	10	10	10	10	**50**	10	10	10	10	10
2.2	Xây dựng mô hình điểm truyền thông, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết, giám sát một số vấn đề xã hội ưu tiên	**20**	**10**	5		5		**10**	5			5	
III	**Nhiệm vụ 3: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phụ nữ giải quyết các vấn đề xã hội có liên quan**	75	**37**	**11**		**26**		**38**	**11**			**11**	**16**
3.1	Phối hợp tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng truyền thông cho đội ngũ giảng viên, tuyên truyền viên	**40**	**20**	10		10		**20**	10			10	

Stt	Nội dung	Kinh phí	Chi tiết tổng kinh phí theo năm										
		Tổng	Giai đoạn 2019-2022					Giai đoạn 2023 - 2027					
			Tổng giai đoạn 2019-2022	2019	2020	2021	2022	Tổng giai đoạn 2023-2027	2023	2024	2025	2026	2027
1	*2*	*(3=4+9)*	*(4=5+6+7+8)*	*5*	*6*	*7*	*8*	*(9=10+11+12+13+14)*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
3.2	Tổ chức Hội thi, giao lưu, chia sẻ kinh nghiệm về công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết, giám sát các vấn đề liên quan đến phụ nữ	30	15			15		15					15
3.3	Biên soạn, in ấn tài liệu...	5	2	1		1		3	1			1	1
IV	**Nhiệm vụ 4: Xây dựng hoàn thiện và thực hiện và thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết hiệu quả các vấn đề xã hội**	30	15		15			15				15	
	Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về thực hiện Quyết định 217,218 trong hệ thống Hội	30	15		15			15				15	
V	**Nhiệm vụ 5: Quản lý, giám sát đánh giá tổ chức thực hiện Đề án**	150	90	25	25	10	30	60	20	5	5	5	25
5.1	Tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Đề án	30	15	15				15	15				
5.2	Tổ chức giám sát việc thực hiện các chính sách, pháp luật liên quan đến các nội dung liên quan đến Đề án	45	20	5	5	5	5	25	5	5	5	5	5
5.3	Sơ kết, tổng kết đánh giá Đề án	50	30		15		15	20					20
TỔNG CỘNG		494	251	62	61	62	66	243	57	26	26	57	77

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NẬM PỒ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /KH-UBND	*Nậm Pồ, ngày tháng 12 năm 2018*

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quyết định số 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" trên địa bàn huyện Nậm Pồ

Căn cứ Kế hoạch số 1112/KH-UBND, ngày 04/5/2018 của UBND tỉnh Điện Biên về thực hiện Quyết định số 939/QĐ-TTg, ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Ủy ban nhân dân huyện Nậm Pồ xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2019-2025" trên địa bàn huyện Nậm Pồ như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khởi nghiệp trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Hiện thực hóa các ý tưởng có tính sáng tạo xuất phát từ nhu cầu, giải quyết các vấn đề đang tồn tại của phụ nữ, của cộng đồng, góp phần thực hiện quy hoạch phát triển ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương; quan tâm thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp nữ, ưu tiên lĩnh vực phát triển kinh tế dịch vụ, nông nghiệp, nông thôn.

- Khơi dậy tinh thần, sức mạnh nội lực của phụ nữ, mạnh dạn có ý tưởng, kế hoạch kinh doanh sáng tạo để khởi nghiệp, để người phụ nữ vượt lên chính mình, tự tin, bản lĩnh để bắt tay khởi nghiệp, vươn lên thoát nghèo.

2. Yêu cầu

Các hoạt động của Kế hoạch thực hiện Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp" phải được quan tâm và tiến hành thường xuyên, liên tục trong toàn huyện, đảm bảo thiết thực, phù hợp, đạt được mục tiêu của Đề án.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Nâng cao hiểu biết của phụ nữ về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của tỉnh, của huyện liên quan đến phát triển nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thay đổi nhận thức, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp, tiềm năng, sức sáng tạo của phụ nữ.

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ tại Quyết định số 939/QĐ - TTg của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường trách nhiệm phối hợp của các phòng, ban và các xã, nhằm hỗ trợ, thúc đẩy hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh và sự phát triển của các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp khởi nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp mới thành lập của phụ nữ thông qua chuỗi các dịch vụ hỗ trợ chất lượng, bền vững, góp phần thực hiện thành công mục tiêu quốc gia về phát triển doanh nghiệp và chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và là cơ sở triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm vận động, hỗ trợ hội viên, phụ nữ trên địa bàn huyện phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, giảm nghèo bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

- Ít nhất 90% cán bộ Hội chuyên trách các cấp và cán bộ các phòng, ban tham gia triển khai Đề án được nâng cao nhận thức, phương pháp hỗ trợ phụ nữ về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

- 70% hội viên, phụ nữ được tuyên truyền, nâng cao nhận thức về việc làm, khởi nghiệp.

- Hỗ trợ khoảng 03 phụ nữ thành lập doanh nghiệp, trang trại hoặc tham gia các mô hình tổ, nhóm liên kết sản xuất, phụ nữ khởi sự kinh doanh và khởi nghiệp.

- 100% doanh nghiệp của phụ nữ mới thành lập được tư vấn, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp.

III. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN

1. Đối tượng áp dụng

Là Phụ nữ, trong đó quan tâm hỗ trợ đối với phụ nữ có ý tưởng, có nhu cầu khởi nghiệp, doanh nghiệp mới thành lập do phụ nữ làm chủ. Ưu tiên phụ nữ thuộc hộ nghèo, khó khăn, phụ nữ là người dân tộc thiểu số, phụ nữ khuyết tật, phụ nữ sống tại địa bàn khó khăn, địa bàn chuyển đổi đất nông nghiệp.

2. Thời gian thực hiện: Từ năm 2019 đến năm 2025.

3. Địa bàn thực hiện: Trên phạm vi toàn huyện.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế

- Tổ chức phổ biến Quyết định số 939/QĐ-TTg, ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ tới cán bộ Hội chủ chốt các cấp.

- Tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp phát triển kinh doanh, vai trò, vị trí của phụ nữ đối với sự

phát triển kinh tế, kết quả thực hiện Đề án qua xây dựng và duy trì chuyên mục về phụ nữ khởi nghiệp trên hệ thống thông tin đại chúng; trang thông tin điện tử của UBND huyện, của Hội; qua sinh hoạt tổ nhóm, câu lạc bộ, các mô hình hoạt động của Hội. Vận động hội viên, phụ nữ trong huyện tích cực tham gia khởi nghiệp và khởi sự kinh doanh; tham gia xây dựng các mô hình sản xuất hàng hóa, dịch vụ... ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt.

- Xây dựng và nhân bản tài liệu về kiến thức khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh; trên cơ sở tài liệu hiện hành.

2. Hỗ trợ đổi mới sáng tạo phát triển kinh doanh, khởi nghiệp

2.1. Tổ chức ngày phụ nữ khởi nghiệp

- Khuyến khích, hướng dẫn phụ nữ cách xây dựng ý tưởng/dự án kinh doanh để tham dự "*Ngày phụ nữ khởi nghiệp*", kết nối nguồn lực để hỗ trợ hiện thực hóa những ý tưởng sáng tạo, đổi mới của phụ nữ (những ý tưởng được lựa chọn), hỗ trợ các doanh nghiệp có nhu cầu phát triển về chất lượng và quy mô.

- Lựa chọn các ý tưởng, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi để hỗ trợ xây dựng mô hình và thành lập Tổ hợp tác, hộ kinh doanh.

- Động viên, khen thưởng các tập thể, cá nhân phụ nữ có ý tưởng có thể ứng dụng vào thực tiễn (sản xuất/kinh doanh sản phẩm sạch, an toàn, bảo vệ môi trường... đem lại lợi ích cho phụ nữ và cộng đồng).

2.2. Hỗ trợ nâng cao năng lực cho bộ phận hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp

- Nâng cao năng lực của cán bộ Hội các cấp chịu trách nhiệm đầu mối phụ trách hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, về kỹ năng kinh doanh, kỹ năng quản lý, điều hành, kết nối các đơn vị hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp.

- Tham gia là thành viên các tổ chức hỗ trợ phụ nữ sáng tạo, đổi mới, khởi nghiệp và phát triển kinh doanh.

2.3. Hỗ trợ nâng cao năng lực kinh doanh, khởi nghiệp cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh khả thi

Tập huấn, đào tạo nghề, đào tạo kiến thức về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp, tiếp cận vốn tín dụng dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; giáo dục tài chính; hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh khả thi.

2.4. Hỗ trợ tiếp cận tín dụng

Tư vấn, hỗ trợ các tổ phụ nữ liên liên kết, doanh nghiệp mới thành lập do phụ nữ làm chủ tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách - Xã hội; các chính sách tín dụng ưu đãi của tỉnh Hội.

2.5. Hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh, liên kết, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, giới thiệu quảng bá sản phẩm cho các doanh nghiệp, tổ phụ nữ liên kết phát triển kinh tế

- Tập huấn, nâng cao năng lực quản lý điều hành, quản trị sản xuất kinh doanh, quản trị tài chính, xây dựng thương hiệu... cho Ban quản lý tổ hợp tác, tổ phụ nữ liên kết phát triển kinh tế, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phối hợp tư vấn, đào tạo nghề phi nông nghiệp và nông nghiệp cho hội viên, phụ nữ và tổ phụ nữ liên kết phát triển kinh tế, doanh nghiệp.

- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho tổ phụ nữ liên kết phát triển kinh tế, doanh nghiệp tham gia các hội chợ, hội thảo liên kết giới thiệu sản phẩm, quảng bá sản phẩm. Đồng thời quảng bá trên trang thông tin điện tử của huyện.

- Tổ chức Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm các tập thể, cá nhân là nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp có sự đổi mới, sáng tạo, hiệu quả.

3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh

- Giám sát việc thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật và thực thi chính sách về phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp cho phụ nữ theo Quy chế giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên.

- Thực hiện phản biện xã hội đối với các dự thảo chính sách, luật pháp về phát triển doanh nghiệp, tổ hợp tác khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Tham gia góp ý xây dựng văn bản đề xuất chính sách về phát triển doanh nghiệp, tổ hợp tác khởi nghiệp cho phụ nữ.

- Tổ chức đoàn kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án định kỳ và theo giai đoạn.

4. Sơ, tổng kết thực hiện Đề án

- Tổ chức sơ kết thực hiện Đề án giai đoạn 1 (2019-2022); triển khai Đề án giai đoạn 2 (2023-2025). Thời gian dự kiến tổ chức sơ kết: Quý IV năm 2022.

- Tổ chức tổng kết Đề án giai đoạn 2019-2025. Thời gian dự kiến: Quý IV năm 2025.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định, lồng ghép với các chương trình, đề án có liên quan đang triển khai trên địa bàn huyện.

2. Biểu dự toán kinh phí thực hiện Đề án là 585.000.000đ (*năm trăm tám năm triệu đồng*),trong đó:

- Giai đoạn 1: 320.000.000 đồng.

- Giai đoạn 2: 265.000.000 đồng.

(Có biểu dự toán kinh phí thực hiện Đề án kèm theo).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hội LHPN Huyện

- Là cơ quan Thường trực tham mưu tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

- Phối hợp với các phòng, ban liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch.

- Huy động các nguồn lực, phát huy nội lực để tổ chức triển khai thực hiện Đề án; triển khai thực hiện các nội dung của đề án lồng ghép với các hoạt động, chương trình, dự án khác do Hội quản lý. Chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng mở các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ Hội LHPN các xã, triển khai các hoạt động của kế hoạch thực hiện Đề án.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm; thực hiện chế độ thông tin báo cáo kết quả kế hoạch thực hiện đề án tổ chức sơ kết, tổng kết. Chủ động bổ sung, điều chỉnh hoạt động của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Căn cứ vào khả năng ngân sách của huyện tham mưu trình UBND huyện xem xét bố trí thêm nguồn kinh phí để triển khai thực hiện kế hoạch.

- Hướng dẫn các đơn vị sử dụng, quản lý, thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định.

3. Phòng LĐTB&XH huyện

Phối hợp với Hội LHPN huyện tổ chức thực hiện lồng ghép các nội dung của kế hoạch thực hiện Đề án trong các Chương trình giảm nghèo bền vững; các Đề án về dạy nghề, tạo việc làm có liên quan do Phòng chủ trì.

4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp thực hiện các hoạt động của Kế hoạch do Phòng chủ trì: Chuyển giao khoa học kỹ thuật và kết nối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hỗ trợ các tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp nông thôn.

5. Phòng Kinh tế - Hạ tầng

Nghiên cứu, đề xuất lĩnh vực khuyến công và xúc tiến thương mại góp phần hoàn thành mục tiêu kế hoạch.

6. Ngân hàng CSXH huyện

Thực hiện tốt Văn bản thỏa thuận về việc thực hiện ủy thác cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; Thỏa thuận liên ngành về tổ chức thực hiện chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP, ngày 9/6/2015 của Chính phủ; hỗ trợ cho các tập thể, cá nhân có đủ điều kiện được tiếp cận các nguồn vốn tín dụng.

7. Phòng Văn hoá - Thông tin

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan thông tấn, Đài TT-TH huyện, hệ thống thông tin cơ sở trên địa bàn huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền về phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên

Trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai các hoạt động của kế hoạch; lồng ghép các hoạt động hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp trong các chương trình, đề án liên quan.

9. Ủy ban nhân dân các xã

- Xem xét, bố trí thêm nguồn kinh phí thực hiện Đề án, tạo điều kiện hỗ trợ phù hợp, đảm bảo cho việc thực hiện các hoạt động của Kế hoạch tại địa phương.

- Thường xuyên theo dõi, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

10. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng trước ngày 05/6, hàng năm trước ngày 05/12 các phòng, ban, UBND các xã, xã báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch về UBND huyện *(qua Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện)* để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Hội LHPN tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Đề án "*Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2019-2025*" trên địa bàn huyện Nậm Pồ; UBND huyện yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được phân công, nghiêm túc triển khai thực hiện./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thái

Nơi nhận:
- UBND tỉnh;
- Hội LHPN tỉnh; } (b/c)
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- LĐ. UBND huyện;
- UB MTTQ và các Đoàn thể huyện;
- Các phòng: TC-KH, VH&TT, LĐ-TB&XH, KT&HT huyện.
- Ngân hàng CSXH huyện;
- UBND các xã;
- Lưu: VT.

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC NỘI DUNG THỰC HIỆN

Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" trên địa bàn huyện Nậm Pồ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND, ngày tháng 12 năm 2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Kinh phí	Chi tiết tổng kinh phí theo năm								
		Tổng	Giai đoạn 2019-2022					Giai đoạn 2023 - 2025			
			Tổng giai đoạn 2019-2022	2019	2020	2021	2022	Tổng giai đoạn 2023-2025	2023	2024	2025
1	*2*	*(3=4+9)*	*(4=5+6+7+8)*	*5*	*6*	*7*	*8*	*(9=10+11+12)*	*10*	*11*	*12*
I	**Hoạt động: Tuyên truyền, vận động phụ nữ nâng cao nhận thức về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh; vai trò của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế.**	**243**	**132**	**40**	**30**	**31**	**31**	**111**	**44**	**34**	**33**
1	Tổ chức Hội nghị tập huấn quán triệt, phổ biến về Quyết định 939/QĐ-TTG ngày 30/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ tới cán bộ Hội chủ chốt các cơ sở Hội, các phòng ban phối hợp trong huyện.	105	60	15	15	15	15	*45*	15	15	15
1.1	Cấp huyện: UVBCH Hội LHPN huyện, lãnh đạo các phòng, ban, đoàn thể có liên quan, Hội viên phụ nữ.	20	10	10				*10*	10		
1.2	Cấp xã: UVBTV Hội LHPN các xã,chi hội trưởng, chi hội phó, cán bộ các đoàn thể liên quan	69	34	8	8	9	9	*35*	12	12	11
1.3	Biên soạn, nhân bản tài liệu	7	4	1	1	1	1	*3*	1	1	1

STT	Nội dung	Kinh phí	Chi tiết tổng kinh phí theo năm								
			Giai đoạn 2019-2022					Giai đoạn 2023 - 2025			
		Tổng	Tổng giai đoạn 2019-2022	2019	2020	2021	2022	Tổng giai đoạn 2023-2025	2023	2024	2025
1.4	Xây dựng chuyên mục trên Đài truyền thanh-truyền hình huyện	7	4	1	1	1	1	*3*	1	1	1
2	Tuyên truyền tới xã viên tổ THT, HTX thành viên câu lạc bộ phụ nữ khởi nghiệp, phụ nữ mới khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước về khởi nghiệp, phát triển kinh doanh, vai trò vị trí của phụ nữ đối với sự phát triển kinh tế	35	20	5	5	5	5	*15*	5	5	5
II	**Hoạt động: Hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh doanh và khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo**	70	40	10	10	10	10	30	10	10	10
	Tổ chức ngày Phụ nữ khởi nghiệp:* * Hướng dẫn xây dựng ý tưởng * Tổ chức Hội nghị vinh danh * Kết nối tìm kiếm nhà đầu tư	70	40	10	10	10	10	30	10	10	10
III	**Hoạt động: Đào tạo, tập huấn**	167	93	27	22	22	22	74	28	23	23
1	Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ Hội cơ sở	70	40	10	10	10	10	*30*	10	10	10
2	Tập huấn về khởi sự kinh doanh, thành lập doanh nghiệp, phát triển doanh nghiệp, tiếp cận vốn tín dụng; xây dựng thương hiệu; giáo dục tài chính; hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn… cho phụ nữ có ý tưởng kinh doanh khả thi	35	20	5	5	5	5	*15*	5	5	5
3	Đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý điều hành HTX, THT	17	8	2	2	2	2	*9*	3	3	3

STT	Nội dung	Kinh phí	Chi tiết tổng kinh phí theo năm								
		Tổng	Giai đoạn 2019-2022					Giai đoạn 2023 - 2025			
			Tổng giai đoạn 2019-2022	2019	2020	2021	2022	Tổng giai đoạn 2023-2025	2023	2024	2025
4	Tổ chức đối thoại chia sẻ kinh nghiệm các tập thể, cá nhân là nữ khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp có sự đổi mới, sáng tạo, hiệu quả hoặc tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất kinh doanh	10	5	5				5	5		
5	Đào tạo nghề cho thành viên, tổ liên kết sản xuất kinh doanh	35	20	5	5	5	5	15	5	5	5
IV	Xây dựng thương hiệu	20	10			5	5	10		5	5
V	Hỗ trợ thành lập Tổ hợp tác, các nhóm liên kết sản xuất kinh doanh	20	10	10				10		10	
VI	Hoạt động: Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách luật pháp hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh doanh	65	35	5	5	5	20	30	5	5	20
1	Giám sát, đánh giá thực hiện Đề án	35	20	5	5	5	5	15	5	5	5
2	Tổ chức sơ kết, tổng kết Đề án	30	15				15	15			15
	TỔNG CỘNG	585	320	92	67	73	88	265	87	87	91